



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

**ĐỊA CHỈ:** Số 29 đường Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc,  
P.Cam Linh, T.P Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

**ĐIỆN THOẠI:** (0258) 3854 307 | Fax: (0258) 3854 536

**EMAIL:** mail@camranhport.vn

**WEBSITE:** <http://www.camranhport.vn/>



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

# MỤC LỤC

## THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	7
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	10
Thông tin về mô hình quản trị	11
Định hướng phát triển	13
Các rủi ro	15

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	21
Tổ chức nhân sự	23
Tình hình đầu tư thực hiện dự án	33
Tình hình tài chính	34
Tình hình cổ đông thay đổi vốn chủ sở hữu	39
Trách nhiệm với môi trường cộng đồng	40

## BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	43
Tình hình tài chính	47
Những cải tiến trong năm về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	49
Kế hoạch phát triển trong tương lai	51
Báo cáo đánh giá trách nhiệm môi trường và xã hội	53

## **BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	59
Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban điều hành	59
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	60
Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị	61

## **BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	65
Các nghị quyết / quyết định trong năm	65
Ban Kiểm soát	72
Các giao dịch, thù lao và lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát	73
Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác	73

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán	75
--------------------------------	----



# THÔNG TIN CHUNG

5

CTCP CẢNG CAM RANH



# CẢNG CAM RANH



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

<b>Tên giao dịch</b>	:	Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số</b>	:	4200272350, điều chỉnh lần thứ 4 vào ngày 03/06/2020.
<b>Vốn điều lệ</b>	:	245.018.170.000 đồng
<b>Địa chỉ</b>	:	Số 29 Nguyễn Trọng Kỷ, phường Cam Linh, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
<b>Số điện thoại</b>	:	(0258) 3854 307
<b>Số fax</b>	:	(0258) 3854 536
<b>Website</b>	:	<a href="http://www.camranhport.vn">www.camranhport.vn</a>
<b>Mã cổ phiếu</b>	:	CCR

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

**30/05/1990:** Công ty TNHH một thành viên Cảng Cam Ranh trước đây là Cảng Ba Ngòi được thành lập theo Quyết định số 589/QĐ-UB của UBND tỉnh Khánh Hòa, là loại hình Công ty nhà nước trực thuộc UBND tỉnh Khánh Hòa.

1990



**16/01/2009:** Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cam Ranh được thành lập theo quyết định số 168/BGTVT

2009



2007

**31/10/2007:** Cảng Ba Ngòi được chuyển giao nguyên trạng thành Công ty nhà nước, thành viên hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines).



**25/06/2015:** Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350, chuyển đổi loại hình từ công ty TNHH một thành viên, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

# 2015

**20/08/2015:** Công ty được chấp thuận Đăng ký công ty đại chúng theo Thông báo số 5194/UB-CK-QLPH của Ủy ban chứng khoán nhà nước (UBCKNN).

# 2019

**23/05/2019:** Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh đã thoái vốn thành công phần vốn góp tại Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô Cam Ranh thông qua hình thức đấu giá công khai.

**16/10/2020:** Khai trương tuyến container nội địa kết nối các cảng đầu mối Hải Phòng - Cam Ranh - Thành phố Hồ Chí Minh.

# 2020





# GIẢI THƯỞNG GẦN NHẤT

Năm	Danh hiệu, hình thức khen thưởng	Quyết định số
2014	Cờ thi đua của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	07/QĐ-HHVN ngày 13/01/2015 do Chủ tịch Nguyễn Ngọc Huệ ký
	Tập thể lao động xuất sắc của Bộ GTVT	3823/QĐ-BGTVT ngày 28/10/2015 do Bộ trưởng BGT-VT Đinh La Thăng ký
2015	Tập thể lao động xuất sắc của Bộ GTVT	2391/QĐ-BGTVT ngày 02/8/2016, Bộ trưởng Trương Quang Nghĩa ký
2016	Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ	175/QĐ-TTg ngày 09/02/2017 do Phó Thủ tướng Trương Hòa Bình ký
	Bằng khen của Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa	199/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 do Chủ tịch Lê Đức Vinh ký
	Giấy khen của Sở Tài chính	234/QĐ-STC ngày 11/10/2016 do Giám đốc Lê Hữu Hoàng ký
2018	Cờ thi đua của Bộ lao động thương binh Xã hội	609/QĐ-LĐTBXH ngày 05/5/2019 do Bộ trưởng Đào Ngọc Du ký
	Cờ thi đua của Tổng liên đoàn LĐ Việt Nam	157/QĐ-TLĐ ngày 11/01/2018 do Chủ tịch Bùi Văn Cường ký
2019	Cờ thi đua của Tổng Công ty HHVN	354/QĐ-HHVN ngày 29/10/2019 do Chủ tịch Lê Anh Sơn ký
	Cờ thi đua của Thủ tướng	1503/QĐ-TTg ngày 01/11/2019 do Phó Thủ tướng Trương Hòa Bình ký
	Bằng khen (Công đoàn Tổng công ty) của Công đoàn TCT	Quyết định số:126/QĐ-CDHHVN ngày 10/7/2019 do Chủ tịch Lê Phan Linh ký

# NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ Logistics; dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, đóng gói, nâng hạ hàng hóa; môi giới thuê tàu biển; cung ứng dịch vụ hàng hải; dịch vụ đại lý tàu biển; sửa chữa tàu biển; dịch vụ lai dắt tàu sông, tàu biển; dịch vụ cứu nạn, cứu hộ, tàu sông, tàu biển; vệ sinh tàu và các hoạt động phụ trợ vận tải; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ khai thuế hải quan.

# NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Địa điểm kinh doanh chính của Công ty đặt tại phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Hoạt động kinh doanh của Công ty trải rộng trên toàn quốc thông qua hệ thống quan hệ kinh doanh với khách hàng là các chủ tàu, chủ hàng, đại lý hàng hải, vận tải biển.



# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## **Đại hội đồng cổ đông:**

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

## **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị đương nhiệm có năm (05) thành viên, trong đó có bốn (04) thành viên không tham gia điều hành và một (01) thành viên điều hành.

## **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát đương nhiệm có (03) thành viên, gồm Trưởng ban là thành viên chuyên trách không tham gia điều hành và hai (02) thành viên kiêm nhiệm (Không phải ở bộ phận kế toán của Công ty).

## **Công ty con:**

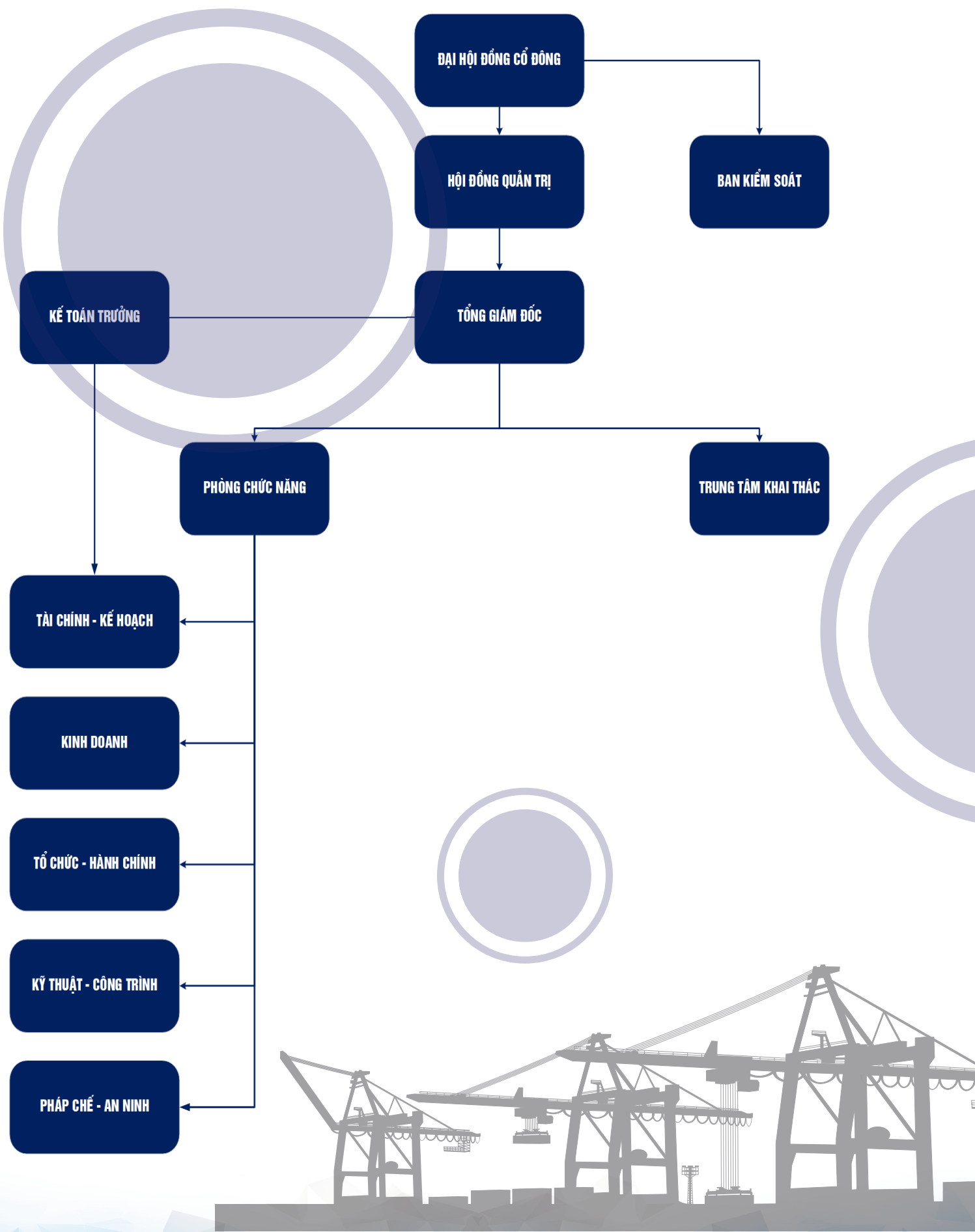
### **Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hải Cảng Cam Ranh.**

- Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.
- Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ hàng hải
- Vốn điều lệ thực góp: 7.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ vốn góp của CTCP Cảng Cam Ranh: 51%

## **Ban Tổng Giám Đốc:**

Bao gồm một (01) Tổng Giám Đốc, một (01) Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám Đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó Tổng Giám Đốc giúp việc cho Tổng Giám Đốc.





# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## Chiến lược phát triển trung và dài hạn



- Tập trung nguồn lực đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng cảng biển (bến cảng, phương tiện xếp dỡ, kho bãi, hạ tầng kỹ thuật) để tăng sức mạnh cạnh tranh, năng lực xếp dỡ cả về chủng loại và sản lượng.
- Triển khai công tác marketing để thu hút và tăng sản lượng hàng thông qua cảng với năng lực xếp dỡ là 2,5 triệu tấn/năm vào năm 2020.
- Mở rộng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, xây dựng chuỗi cung ứng (logistics), xây dựng khu vực hậu cần sau cảng nằm trong diện tích đất và mặt nước được quy hoạch.
- Tiêu chí thực hiện chiến lược giai đoạn này là: “Mở rộng thị trường mới trên cơ sở phát triển và khai thác hiệu quả thị trường hiện có”.
- Định hướng đến năm 2030: Tiếp tục phát triển sâu-rộng các lĩnh vực kinh doanh của công ty, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dịch vụ cảng biển theo hướng hiện đại hóa, tự động hóa với công suất khai thác đạt 6,5 triệu tấn/năm.



## Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty



Trở thành doanh nghiệp khai thác cảng trọng điểm của cả nước và trong khu vực, là mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng logistics của Việt Nam và khu vực, tạo nguồn động lực để phát triển kinh tế - xã hội địa bàn tỉnh Khánh Hòa và các tỉnh Nam Trung Bộ - Tây Nguyên, là Cảng biển xếp thứ 3 khu vực Trung Bộ về sản lượng khai thác.

## Các mục tiêu đối với xã hội, cộng đồng và môi trường



### Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội:

Tinh thần trách nhiệm cộng đồng đã được tích hợp đầy đủ vào mô hình và chính sách kinh doanh, các hoạt động phát triển cộng đồng, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng của Công ty.

Các chính sách đối với cộng đồng của Công ty dựa vào các nền tảng nhằm xác định các cách thức phù hợp nhất trong các giao dịch kinh doanh với tất cả các bên liên quan bao gồm: khách hàng, nhà cung cấp, các nhân viên, và cộng đồng nói chung, nhằm mục tiêu cùng phát triển.

### Trách nhiệm đối với môi trường:

Công tác bảo vệ môi trường biển luôn được Công ty chú trọng trong quá trình vận hành, khai thác cảng biển. Đề án bảo vệ môi trường bao gồm kế hoạch quản lý và các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; có chương trình giám sát và quản lý giai đoạn vận hành, phải thu gom và xử lý chất thải rắn, lỏng và chất thải công nghiệp từ tàu cập cảng; xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng chống sự cố (tràn dầu, tràn hóa chất, cháy nổ, tai nạn lao động); sẵn sàng phối hợp ứng phó sự cố tràn dầu; định kỳ lập báo cáo môi trường khu vực cảng.

Công ty có hệ thống tiếp nhận và xử lý các chất thải từ tàu, bên cạnh đó, còn quan tâm tới vấn đề phát triển đồng bộ giữa cảng biển với mạng cơ sở hạ tầng sau cảng, giữa kết cấu hạ tầng cảng biển với hạ tầng công cộng kết nối với cảng biển, kiểm soát được ô nhiễm môi trường.

# CÁC RỦI RO

## Rủi ro kinh tế

Trong năm 2020, dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới. Theo Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) tốc độ tăng trưởng GDP năm 2020 của Thế giới ước khoảng -4,4%. Trong bối cảnh đó, Việt Nam là một trong số ít các quốc gia trên thế giới và là quốc gia duy nhất trong khu vực ASEAN đạt tăng trưởng dương. Theo số liệu của Tổng cục thống kê năm 2020, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam tăng trưởng 2,91% so với năm 2019. Trong 11 tháng đầu năm 2020, vận tải hàng hóa

đạt 1,6 tỷ tấn, giảm 6,2% so với cùng kỳ năm trước. Qua những con số tăng trưởng kinh tế trong năm 2020, tiêu biểu và điển hình là GDP, chúng ta thấy được rằng các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế Việt Nam đã vừa trải qua một năm đầy sóng gió và thử thách trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, bên cạnh thiên tai - bão lũ dồn dập nhưng kinh tế Việt Nam đã vượt qua mọi khó khăn và đạt tốc độ tăng trưởng dương, trở thành điểm sáng trong bức tranh kinh tế thế giới năm 2020.



Dưới tác động của thương chiến Mỹ-Trung và dịch bệnh Covid-19 là chất xúc tác đã làm đẩy nhanh sự dịch chuyển dòng vốn FDI vào Trung Quốc sang các nước lân cận và Đông Nam Á là một trong những điểm đến được lựa chọn, trong đó có Việt Nam. Các chuyến tàu hàng không thể cập bến Trung Quốc sẽ tìm đường đến những nước khác trong khu vực. Điều này làm tăng nhu cầu kho vận, xếp dỡ và đây là cơ hội cho ngành cảng biển nói chung và Cảng Cam Ranh nói riêng. Tuy nhiên, để có thể đón đầu được những cơ hội

này, các cảng trong nước phải có sự chuẩn bị về cơ sở hạ tầng, bến cảng cần cải tiến công nghệ hiện đại để có thể cạnh tranh với các cảng trong khu vực và đáp ứng được nhu cầu gia tăng trong thời gian tới.

Nhằm hạn chế những rủi ro về kinh tế, Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh cần phải liên tục quan sát, theo dõi cũng như cập nhật những thông tin về vĩ mô. Từ đó, Công ty đưa ra những chính sách, chiến lược kinh doanh đúng đắn, kịp thời và hiệu quả trong từng thời kỳ.



## Rủi ro lãi suất

Trong năm 2020, lãi suất huy động vốn ở Việt Nam giảm mạnh, dao động từ 03-05%/năm đối với khoản tiền gửi ngắn hạn. Tuy nhiên, lãi suất cho vay ở Việt Nam giảm chậm và vẫn ở mức cao 09-12%/năm. Trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn và điều kiện kinh doanh chưa mấy được cải thiện, các ngân hàng vẫn còn e ngại rủi ro tín dụng, điều này đặt ra những thách thức và khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận vốn vay để tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ở Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh, nguồn vốn đến từ các khoản vay tài chính chiếm hơn 47,5% cơ cấu nợ phải trả. Vì vậy nếu lãi suất cho vay có sự biến động cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là trong giai đoạn Công ty cần nguồn vốn vay lớn để đầu tư, phát triển các bến cảng nhằm phục vụ cho nhu cầu khai thác hàng hóa qua cảng trong thời gian tới. Công ty vẫn cần phải liên tục theo dõi những biến động của lãi suất cho vay từ đó cơ cấu lại nguồn vốn, giảm thiểu tối đa rủi ro đến từ biến động lãi suất.

## Rủi ro pháp luật

Là một Công ty cổ phần đang được giao dịch trên hệ thống đăng ký giao dịch UPCOM, ngoài việc chịu ảnh hưởng bởi Luật Doanh nghiệp, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán cùng với hệ thống pháp luật chung. Bên cạnh đó, với đặc thù là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng biển, Công ty còn phải chịu sự chi phối từ Luật Thương mại, Luật Giao thông vận tải, Bộ luật Lao động, Bộ luật Hàng hải. Vào tháng 11/2019, Quốc hội đã thông qua Bộ luật Lao động sửa đổi năm 2019, có hiệu lực vào ngày 01/01/2021 với các nội dung đáng chú ý như: sửa đổi liên quan đến hợp đồng lao động, quy định mới về thử việc, bãi bỏ và bổ sung các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động, tăng tuổi nghỉ hưu, thành lập tổ chức công đoàn độc lập. Ngoài ra cũng trong năm 2019, Quốc hội đã chính thức thông qua Luật Chứng khoán mới có hiệu lực vào 01/01/2021 với nhiều nội dung quan trọng được đổi mới như: quy định về công bố thông tin, việc quản trị Công ty đại chúng, Luật Doanh nghiệp 2020 chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 với những quy định mới như: quy định về cơ cấu quản lý công ty cổ phần, tổ chức quản trị công ty cổ phần.

Với việc hệ thống pháp luật liên quan đang trong giai đoạn hoàn thiện, văn bản pháp luật mới liên tục được ban hành, các chính sách của Nhà nước được thay đổi dần để bắt kịp với sự phát triển của thế giới. Khi có sự thay đổi sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Chính vì vậy, Công ty luôn thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến hoạt động sản xuất và các hoạt động liên quan khác để kịp thời có những chiến lược đúng đắn trong từng thời kỳ.





## Rủ ro cạnh tranh

Địa bàn hoạt động chính của Công ty nằm ở vịnh Cam Ranh thuộc địa phận của tỉnh Khánh Hòa. Với địa thế thuận lợi khi nằm trên trục giao thông Bắc Nam, thuận lợi cả về đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không. Nhận thấy lợi thế này, tỉnh Khánh Hòa tập trung phát triển giao thông vận tải theo hướng tận dụng lợi thế của ba vịnh Vân Phong, Nha Trang và Cam Ranh nằm trên trục đường hàng hải Quốc tế Nam - Bắc Á, đẩy mạnh phát triển vận tải biển bằng phương thức container, tập trung đầu tư xây dựng cảng biển, khai thác hoạt động dịch vụ hàng hải, phát

triển công nghiệp tàu thủy... điều này đã thúc đẩy ngành công nghiệp hàng hải ở địa phương phát triển mạnh đồng thời cũng làm cho mức độ cạnh tranh trong ngành dịch vụ khai thác cảng biển trở nên vô cùng khắc nghiệt. Theo thống kê của Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa, hiện nay có tổng cộng hơn mười hai cảng lớn nhỏ hoạt động trên địa bàn tỉnh cũng như sự xuất hiện các nhà vận tải đa phương thức tại khu vực. Điều này dẫn đến sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt hơn cho Công ty.

## Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã đề cập ở trên, còn nhiều rủi ro mang tính bất khả kháng khác ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như hỏa hoạn, bệnh dịch, Đây là những rủi ro hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của Công ty.



Đơn cử các hoạt động thương mại bị ảnh hưởng nghiêm trọng khi đại dịch COVID-19 xảy ra, gây những tác động tiêu cực đến lĩnh vực vận tải container bằng đường biển và các chuỗi logistics khiến hàng hóa bị mắc kẹt và thiệt hại gia tăng. Một khi dịch bệnh không được kiểm soát chặt chẽ sẽ làm gián đoạn các chuỗi cung ứng toàn cầu và khiến nhiều doanh nghiệp phải tạm dừng hoạt động. Các hoạt động thông quan cũng vì vậy mà bị chậm

trễ. Nếu nguy cơ xảy ra tại Việt Nam sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến các công ty trong ngành cảng biển. Do đó, Công ty luôn chủ động đề phòng và xây dựng các giải pháp ứng phó như: tuyên truyền nâng cao hiểu biết về bệnh dịch, thực hiện các biện pháp phòng tránh bệnh theo khuyến cáo của Bộ Y tế nhằm nâng cao ý thức, giảm thiểu thiệt hại về người và của.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

19

CTCP CẢNG CAM RANH

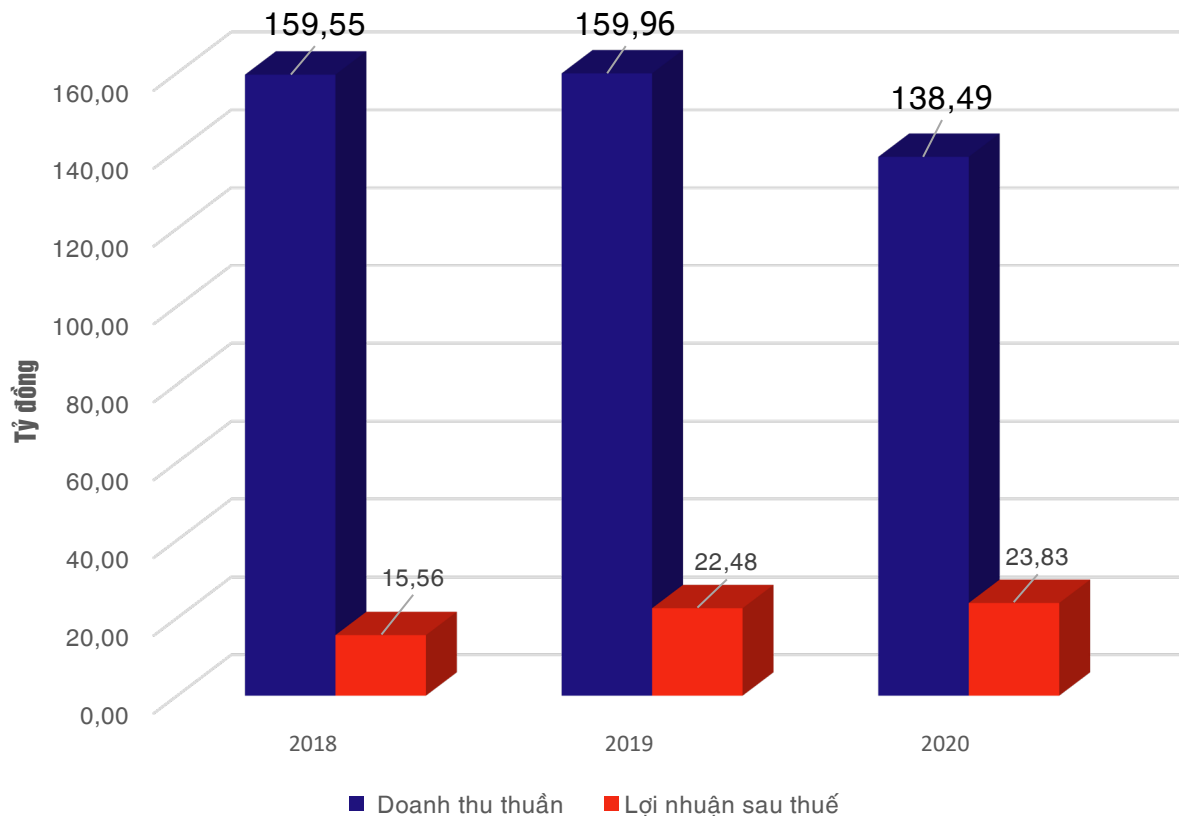


# CẦU CẢNG CAM RANH

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% TH 2020 vs KH 2020	% TH 2020 vs TH 2019
Tổng tài sản	Tr.đồng	360.022	320.000	322.640	100,83%	89,62%
Sản lượng	Tấn	2.972.957	3.050.000	2.088.972	68,49%	70,27%
Vốn điều lệ	Tr.đồng	245.018	245.018	245.018	100,00%	100,00%
Doanh thu thuần	Tr.đồng	159.962	160.600	138.497	86,23%	86,58%
Lợi nhuận từ HĐKD	Tr.đồng	30.117	29.950	28.058	93,68%	93,16%
Lợi nhuận khác	Tr.đồng	(226)	50	202	404,00%	-89,47%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	29.892	30.000	28.260	94,20%	94,54%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	22.484	22.500	23.825	105,89%	105,96%
Tỷ lệ cổ tức	%	6,50%	6,50%	6,50%	100,00%	100,00%

## DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN



Kết thúc năm 2020, Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh ghi nhận doanh thu thuần sụt giảm hơn 13,42%. Điều này có thể được lý giải bởi tình hình dịch bệnh Covid-19 đã tác động nghiêm trọng đến kinh tế Việt Nam và Thế giới. Trong đó, 3 tác động chính yếu mà dịch bệnh Covid-19 đã tác động đến kinh tế là: Tăng trưởng, Đầu tư và Thương mại; làm gián đoạn các chuỗi giá trị sản xuất quan trọng; làm suy giảm tiêu dùng trong các ngành dịch vụ.

Không chỉ tác động mạnh đến tăng trưởng kinh tế, đối với thị trường vận tải biển, dịch Covid-19 ảnh hưởng tiêu cực đến tất cả các yếu tố cung và cầu trên thị trường, khiến các doanh nghiệp vận tải biển (khách hàng trực tiếp của Công ty) lâm vào tình trạng khó khăn khi nhu cầu vận chuyển hàng hóa sụt giảm, giá cước cũng giảm mạnh. Từ đó, làm suy giảm và ảnh hưởng doanh thu thuần của Công ty.

Tuy nhiên, tính chung 11 tháng đầu năm 2020, khối lượng hàng hóa thông qua các cảng biển ước đạt gần 630 triệu tấn hàng hóa thông quan, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó khối lượng hàng container ước đạt gần 20 triệu Teus, duy trì mức tăng hai con số (12%) so với năm trước. Đây là dấu hiệu tích cực đối với Công ty cho thấy kinh tế Việt Nam nói chung, ngành vận tải biển và cảng biển nói riêng đang dần phục hồi.



# TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Tổ chức và nhân sự của Công ty tính đến ngày 31/12/2020 có tổng cộng 191 người và được phân loại theo trình độ lao động, hợp đồng lao động và giới tính.

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>191</b>	<b>100,00%</b>
1	Trình độ trên đại học	3	1,60%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	54	28,30%
3	Trình độ trung cấp	43	22,50%
4	Công nhân kỹ thuật	28	14,60%
5	Lao động phổ thông	63	33,00%
<b>II</b>	<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>191</b>	<b>100,00%</b>
1	Hợp đồng không thời hạn	137	71,70%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	11	5,70%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	43	22,60%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>191</b>	<b>100,00%</b>
1	Nam	162	84,80%
2	Nữ	29	15,20%

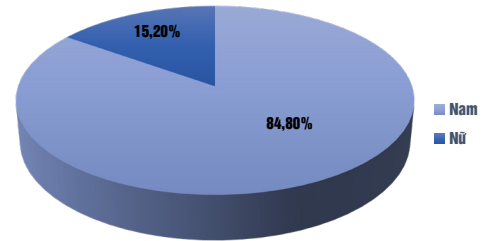


Vì chuyên môn công việc là cung cấp dịch vụ cảng biển trong thời gian dài nên người lao động phải làm việc trong môi trường khó khăn, công việc nặng nhọc và cường độ liên tục. Do đó, lao động là những người cần có sức khỏe, tháo vát nên tỷ lệ nam giới trong Công ty chiếm phần lớn trong tổng số lao động. Công nhân viên nữ chiếm tỷ trọng nhỏ hơn và chủ yếu làm trong các phòng ban hành chính của Công ty.

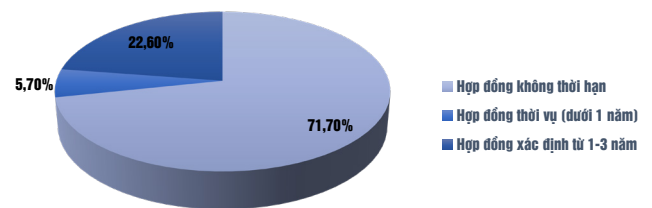
Công ty đã và đang cố gắng xây dựng đội ngũ lao động ổn định, chất lượng, có kinh nghiệm để có thể hoàn thiện bộ máy quản lý tốt nhất. Do đó số lượng nhân công không thời hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất. Để đảm bảo sự phù hợp với hoạt động, Công ty hướng đến mục tiêu ổn định nguồn lực và phát triển công ty.

Lao động của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh được chia thành 5 nhóm theo trình độ, trong đó nhóm công nhân lao động phổ thông chiếm tỷ lệ cao nhất là 33%. Bởi vì hoạt động trong ngành cảng, vận chuyển hàng hóa Công ty cần nhiều lao động có sức khỏe, nhanh nhẹn, đáp ứng được nhu cầu công việc yêu cầu. Có thể thấy cơ cấu lao động của Công ty phù hợp với tính chất hoạt động của ngành. Lao động có trình độ đại học, cao đẳng và trên đại học chiếm hơn 28% tổng số lao động của Công ty, lực lượng cán bộ này không chỉ yêu cầu am hiểu về kỹ thuật, vận hành máy móc, thiết bị, mà còn phải nắm rõ thủ tục hành chính để thực hiện công tác quản lý trực tiếp lẫn gián tiếp. Phần lao động còn lại chiếm hơn 39% là công nhân có trình độ trung cấp, sơ cấp và công nhân kỹ thuật yêu cầu có chuyên môn về sử dụng máy móc, thiết bị và làm việc trực tiếp tại cảng, kho. Ngoài ra, Công ty cũng rất chú trọng đào tạo nghiệp vụ nhân viên, thuyền viên, nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia các khóa đào tạo về quản lý và các kỹ năng bổ trợ khác.

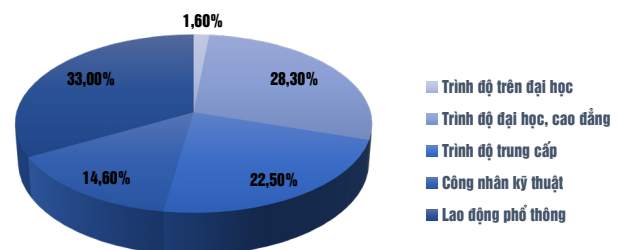
## PHÂN LOẠI THEO GIỚI TÍNH



## PHÂN LOẠI THEO HỢP ĐỒNG



## PHÂN LOẠI THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG





## **THU NHẬP BÌNH QUÂN**

<b>STT</b>	<b>Năm</b>	<b>Tổng số lượng người lao động (người)</b>	<b>Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)</b>
1	2017	168	8.900.000
2	2018	184	15.300.000
3	2019	189	16.200.000
4	2020	191	14.600.000

**Công ty rất chú trọng thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động và các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước. Công ty cũng luôn đảm bảo trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên, xây dựng chính sách lương phù hợp với từng người. Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 thu nhập bình quân/lao động đạt hơn 14,6 triệu đồng/người/tháng, giảm 9,8% so với năm 2019.**

## **DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH**

<b>STT</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Số lượng CP sở hữu (*)</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
1	Nguyễn Viết Nhâm	Tổng Giám đốc	5.401.800	22%
2	Nguyễn Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc	11.500	0,05%
3	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc	7.600	0.03%
4	Nguyễn Huy Phương	Kế toán trưởng	20.200	0,08%



## **GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Ông: PHẠM HỮU TẤN** **Chức vụ: Chủ tịch**

Ngày tháng năm sinh	01/01/1965
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí, Cử nhân Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	52.600 cổ phần, chiếm 0,21% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	5.611.815 cổ phần, chiếm 22,9 % vốn điều lệ
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>- Từ 1987 đến 1993: Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải ô tô Cam Ranh</li><li>- Từ 1993 đến nay: Cảng Cam Ranh</li></ul>

### **Ông: NGUYỄN VIỆT NHÂM** **Chức vụ: Thành viên, Tổng giám đốc**

Ngày tháng năm sinh	12/02/1962
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư khai thác thủy sản, Cử nhân khoa học ngành Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	11.400 cổ phần, chiếm 0,05 % vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	5.390.400 cổ phần, chiếm 22% vốn điều lệ
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>- Từ 11/1985 đến 03/1992: Công tác tại Công ty Vận tải thủy bộ Cam Ranh</li><li>- Từ 04/1992 đến nay: Cảng Cam Ranh</li></ul>

## **Ông: NGUYỄN VĂN TÀI** **Chức vụ: Thành viên**

Ngày tháng năm sinh	08/05/1969
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác	Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng và phát triển Phú Xuân
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	3.497.102 cổ phần, chiếm 14,27 % vốn điều lệ
Quá trình công tác	Từ 1989 đến 2001: Cán bộ khảo sát - Công ty tư vấn xây dựng công trình thủy l Từ 2001 đến 07/2017: Giám đốc Công ty tư vấn & xây dựng Phú Xuân Từ 08/2017 đến nay: Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng và phát triển Phú Xuân

## **Ông: NGUYỄN ĐĂNG SONG** **Chức vụ: Thành viên**

Ngày tháng năm sinh	09/08/1981
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác	Phó Trưởng Ban - Ban Cảnh biển và Dịch vụ Hàng hải Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	4.410.400 cổ phần, chiếm 18 % vốn điều lệ
Quá trình công tác	Từ 11/2004 đến nay: Công tác tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam

## **Ông: HOÀNG QUỐC PHƯƠNG**

### **Chức vụ: Thành viên**

Ngày tháng năm sinh	22/05/1980
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác	Phó Trưởng phòng kinh doanh - Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	4.410.400 cổ phần, chiếm 18 % vốn điều lệ
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>- Từ 11/2002 đến 05/2012: Công tác tại Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tại Cần Thơ</li><li>- Từ 05/2012 đến 06/2019: Công tác tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam</li><li>- Từ 01/07/2019 đến nay: Công tác tại Công ty CP Cảng Quy Nhơn</li></ul>





## GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

### **Bà: DƯƠNG THỊ HỒNG HẠNH** **Chức vụ: Trưởng ban**

Ngày tháng năm sinh	05/11/1985
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế, tài chính ngân hàng
Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác	Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>- Từ 2007 đến 2009: Cán bộ tư vấn TCDN - Công ty CP chứng khoán Thủ Đô</li><li>- Từ 2009 đến nay: Chuyên viên Ban Kế toán - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam</li></ul>



**Bà: NGUYỄN THỊ NGỌC HÒA**  
**Chức vụ: Thành viên**

Ngày tháng năm sinh	13/04/1979
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế; Kế toán doanh nghiệp
Chức vụ hiện tại tổ chức khác	Nhân viên Phòng Kinh doanh Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh
Số cổ phần cá nhân sở hữu	19.400 cổ phần, chiếm 0,08 % vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Quá trình công tác	Từ 09/2000 đến nay: Công tác tại Cảng Cam Ranh

**Bà: DƯƠNG THỊ THANH MAI**  
**Chức vụ: Thành viên**

Ngày tháng năm sinh	28/07/1985
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán, Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Chức vụ hiện tại tổ chức khác	Chức vụ hiện tại tổ chức khác
Số cổ phần cá nhân sở hữu	5.800 cổ phần, chiếm 0,02 % vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Quá trình công tác	Từ 09/2000 đến nay: Công tác tại Cảng Cam Ranh

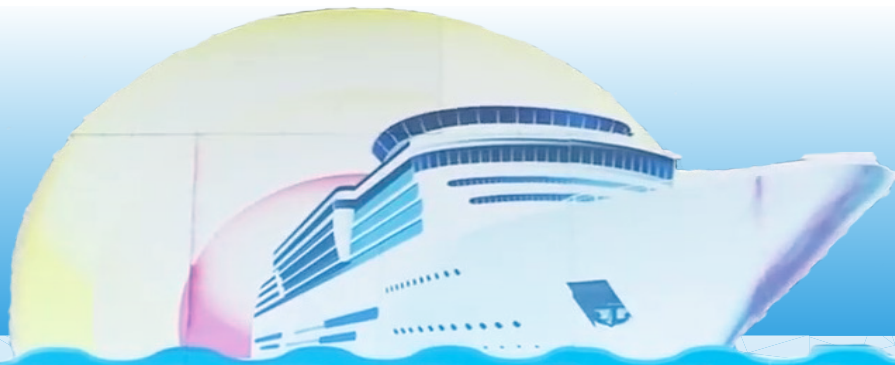


## GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

**Ông NGUYỄN VIỆT NHÂM** (Tiểu sử tại mục giới thiệu HĐQT)  
**Chức vụ: Tổng giám đốc**

**Ông NGUYỄN VĂN THẮNG**  
**Chức vụ: Phó Tổng giám đốc**

Ngày tháng năm sinh	27/04/1968
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí; Kỹ sư Xây dựng
Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	11.500 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Quá trình công tác	- Từ 1999 đến 2000 Công tác tại Trung tâm nghiên cứu vật liệu Polime Cam Ranh - Từ 2000 đến nay Công tác tại CTCP Cảng Cam Ranh



**Bà: NGUYỄN THỊ THU THỦY**  
**Chức vụ: Phó Tổng giám đốc**

Ngày tháng năm sinh	29/09/1979
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Trình độ chuyên môn: thạc sỹ QTKD
Chức vụ hiện tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	7.600 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Quá trình công tác	Từ 04/2002 đến nay Công tác tại CTCP Cảng Cam Ranh

**Ông: NGUYỄN HUY PHƯƠNG**  
**Chức vụ: Kế toán trưởng**

Ngày tháng năm sinh	14/04/1963
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính; Cử nhân Khoa học
Chức vụ hiện tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	20.200 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Quá trình công tác	- Từ 07/1987 đến 03/2002: Công ty cổ phần Vật tư Nông nghiệp Khánh Hòa - Từ 04/2002 đến nay: CTCP Cảng Cam Ranh



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trong năm, Công ty đã triển khai thực hiện các dự án đầu tư sau:

TT	Dự án/công trình	Giá trị quyết toán/tổng mức đầu tư được phê duyệt (tr.đ)
1	DA ứng dụng công nghệ thông tin (phần mềm kế toán (Fast) và khai thác cảng (STOS))	1.058.000
2	DA cải tạo, chuyển đổi công năng Câu lạc bộ công nhân thành văn phòng Trung tâm điều hành khai thác	1.489.000
3	DA Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái khu hành chính trung tâm HC-A	879.000
	<b>Tổng mức đầu tư:</b>	<b>3.426.000</b>

Nhằm nâng cao năng lực khai thác cảng, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty; tăng cường sức cạnh tranh, giữ chân khách hàng cũ, thu hút khách hàng mới, trong năm 2021 Công ty sẽ thực hiện đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị sản xuất cụ thể:

STT	Dự án/công trình	Quy mô/khối lượng	Tiến độ		Tổng mức đầu tư (tỷ.đ)
			Khởi công	Hoàn thành	
<b>I</b>	<b>DA chuyển tiếp từ năm 2020</b>				
1	Dự án nâng cao năng lực khai thác cầu cảng- cảng Ba Ngòi (Nâng cấp bến số 1 lên 50.000 DWT và bến 2 lên 70.000 DWT giảm tải)	Cầu dẫn dài 135m, rộng 15m; Trụ neo tàu; Nạo vét khu nước, vũng quay tàu	10/2020	09/2022	58
2	Dự án Kho bãi phía tây	2,3ha	06/2021	09/2022	11
3	DA nạo vét duy tu luồng hàng hải	Độ sâu 13,5m - dài 2,3km	02/2020		1,5
4	Cầu đi động/cố định	40-45 tấn	09/2021	09/2022	35
<b>II</b>	<b>DA khởi công năm 2021</b>				
<b>1</b>	<b>Đầu tư XDCB</b>				
1.1	Hệ thống điện NLMT cầu cảng	6 Kwp	06/2021	09/2021	0,5
1.2	Thảm nhựa đường trục T1	736m	09/2021	11/2021	5
<b>2</b>	<b>Mua sắm thiết bị</b>				
2.1	Băng tải làm hàng rời		03/2021	12/2021	6
2.2	Trạm cân 80T	Cân điện tử 80T	03/2021	06/2021	1
	<b>Tổng cộng</b>				<b>118</b>

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## KHOẢN PHẢI THU

Từ đầu năm 2020 đến nay, khoản phải thu của khách hàng giảm 19,8%. Khoản trả trước cho người bán tăng hơn 234,17% so với đầu năm 2020. Tuy nhiên, Công ty vẫn còn những khoản phải thu quá hạn thanh toán phần lớn đến từ Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa (chiếm 43,3% khoản Dự phòng các khoản phải thu khó đòi).

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	% Tăng giảm
Phải thu khách hàng	11.543	9.258	-19,80%
Trả trước cho người bán	224	748,53	234,17%
Các khoản phải thu khác	500,3	551,98	10,33%
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	982	925,41	-5,76%
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>11.285</b>	<b>9.633</b>	<b>-14,64%</b>



## KHOẢN PHẢI TRẢ

So với đầu năm 2020, khoản nợ ngắn hạn ở cuối kỳ kế toán giảm 19,57%. Việc khoản nợ ngắn hạn trong năm nay giảm mạnh là do dịch bệnh đã tác động xấu đến tình hình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, Công ty đã chủ động lên phương án kiểm soát, cơ cấu lại các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn để thích ứng với điều kiện kinh tế khó khăn. Cụ thể, khoản phải trả cho người lao động giảm gần 4,95 tỷ đồng so với năm 2019, quỹ khen thưởng và phúc lợi giảm 59,42%.

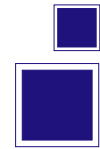
Công ty vẫn tiếp tục sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn lẫn dài hạn đến từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) - CN Nha Trang với lãi suất bình quân 9,5%/năm.

Nhu cầu về vốn dài hạn của Công ty thường tương đối lớn để đầu tư vào các dự án đang triển khai cũng như chuẩn bị thực hiện trong giai đoạn tới như nâng cấp mở rộng cơ sở hạ tầng bao gồm: hệ thống đường, điện, kho bãi theo nhu cầu của khách hàng: Alumina, than, dăm gỗ, đá xây dựng và các thiết bị phục vụ cho nhu cầu sản xuất của Công ty.

ĐVT: Triệu đồng

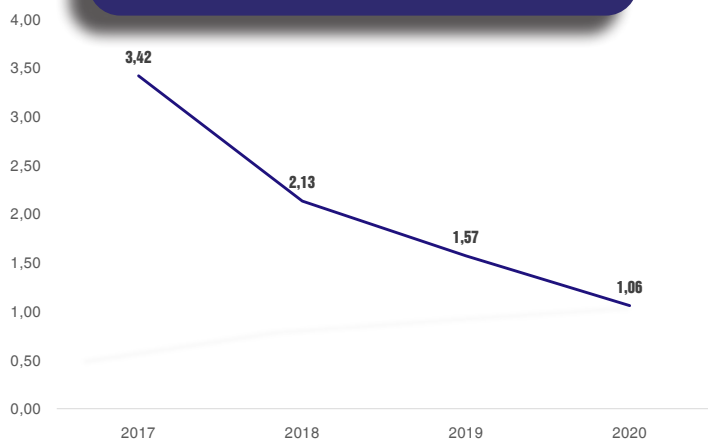
Khoản mục	2019	2020	% Thay đổi	% Tỷ trọng
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>30.700</b>	<b>24.693</b>	<b>-19,57%</b>	<b>100%</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	1.554	2.312	48,72%	9,36%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	1.285	8046,18%	5,21%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	915	865	-5,48%	3,50%
Phải trả người lao động	13.472	8.522	-36,74%	34,51%
Chi phí phải trả ngắn hạn	120	170	41,27%	0,69%
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.408	2.408	0,00%	9,75%
Phải trả ngắn hạn khác	315	360	14,29%	1,46%
Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.000	0	-100,00%	0,00%
Vay và nợ ngắn hạn	8.000	8.000	0,00%	0,00%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.900	771	-59,42%	3,12%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>53.789</b>	<b>17.380</b>	<b>-52,81%</b>	<b>100%</b>
Vay và nợ dài hạn	46.000	12.000	-73,91%	47,28%
Doanh thu chưa thực hiện	7.789	5.380	-30,92%	21,20%

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU



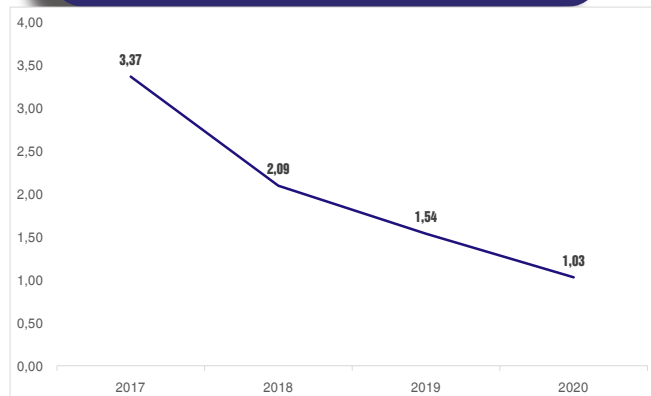
Khoản mục	ĐVT	2019	2020
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,57	1,06
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,54	1,03
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,23	0,13
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,31	0,15
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	92,65	96,84
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,43	0,41
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	14,06	17,21
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	8,29	8,57
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	6,09	6,98
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	18,84	20,26

## KHẢ NĂNG THANH TOÁN



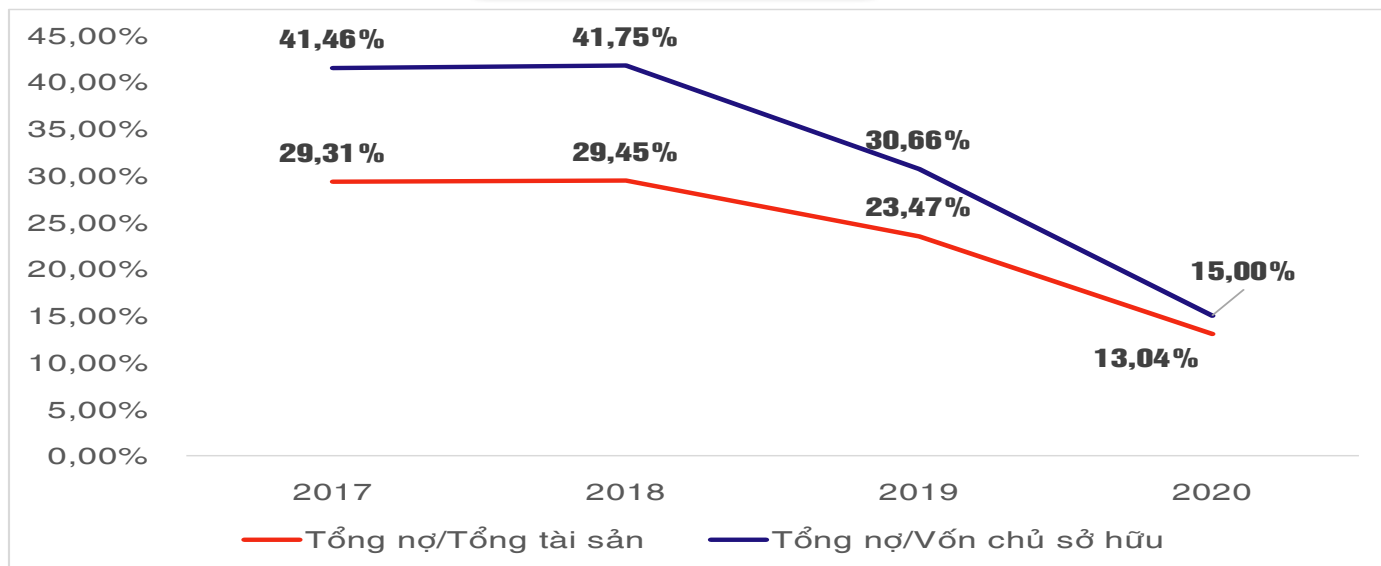
Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán năm 2020 giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Điều này được lý giải bởi tiền và các khoản tương đương tiền giảm mạnh. Từ cuối năm 2019, Công ty tăng cường trả nợ vay dài hạn - trả trước hạn theo kế hoạch kế ước bằng tiền và các khoản tương đương tiền, làm cho khoản mục tiền và tương đương tiền giảm gần 56,3% so với năm 2019. Bên cạnh đó, các khoản mục khác trong tài sản ngắn hạn cũng đồng thời giảm. Nợ ngắn hạn của Công ty trong năm nay cũng ghi nhận mức giảm 19,57% so với năm 2019. Các chỉ

## KHẢ NĂNG THANH TOÁN NHANH



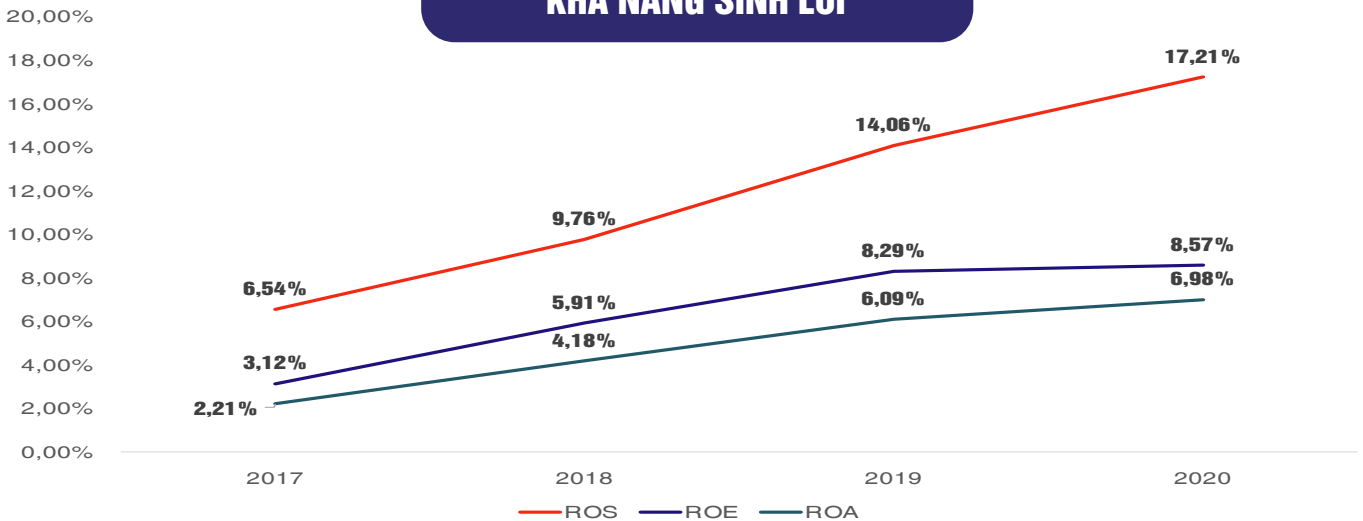
số về khả năng thanh toán của Công ty đều duy trì trên mức 1,0 vì vậy Công ty vẫn có thể đảm bảo thanh toán được các khoản nợ ngắn hạn, đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh liên tục Công ty trong năm đã chủ động lên kế hoạch cụ thể để tránh rơi vào tình thế bị động về thanh khoản. Công ty duy trì lượng tiền mặt hợp lý để đảm bảo thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn và sử dụng vốn hiệu quả.

## CƠ CẤU VỐN



Trong khi vốn chủ sở hữu không có nhiều biến động thì tổng nợ của Công ty tiếp tục giảm mạnh lên tới 50,2% so với năm 2019 làm hệ số nợ giảm. Công ty đã thu xếp tài chính thanh toán các khoản nợ vay. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đã giảm 73,91% so với năm 2019.

## KHẢ NĂNG SINH LỜI



Doanh thu năm 2020 tuy giảm 13,42% so với năm 2019, nhưng số lượng đơn hàng của Công ty trong năm nay tăng so với năm 2019. Các mặt hàng này có đặc điểm chi phí khai thác thấp, tỷ suất sinh lợi cao do vậy lợi nhuận sau thuế tăng so với năm trước. Các chỉ số ROS, ROA, ROE đều tăng lần lượt 17,2%, 8,57%, 6,98% so với năm 2019. Đây là thành quả đáng khích lệ cho Ban lãnh đạo, cũng như toàn thể CBCNV của Công ty đã cùng nhau quyết tâm vượt qua những khó khăn thời khủng hoảng dịch bệnh để duy trì mức tăng trưởng.

## NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Trong năm 2020, vòng quay tổng tài sản đạt 0,41 giảm nhẹ so với năm 2019, do dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế nói chung và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng, doanh thu Công ty giảm 13,42% so với năm 2019, từ đó làm giảm hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty.

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh hoạt động trong lĩnh vực cảng biển, chuyên cung cấp dịch vụ: bốc hàng, vận tải và hỗ trợ vận tải đường thủy khác. Vì vậy, hàng tồn kho chủ yếu là các tài sản như: công cụ, dụng cụ mang tính chất hỗ trợ sửa chữa, bảo trì, vệ sinh phương tiện vận tải, bến bãi. Chỉ tiêu hàng tồn kho đã giảm 27,95% so với năm trước, nâng vòng quay hàng tồn kho năm 2020 đạt mức 96,93 vòng. Công ty hạn chế các hoạt động dịch vụ chưa hiệu



quả để duy trì tốt việc sử dụng tài sản trong việc chuyên môn hóa hoạt động kinh doanh chính, mang lại những hiệu quả tuy nhỏ nhưng cũng đáng chú ý trong năm.

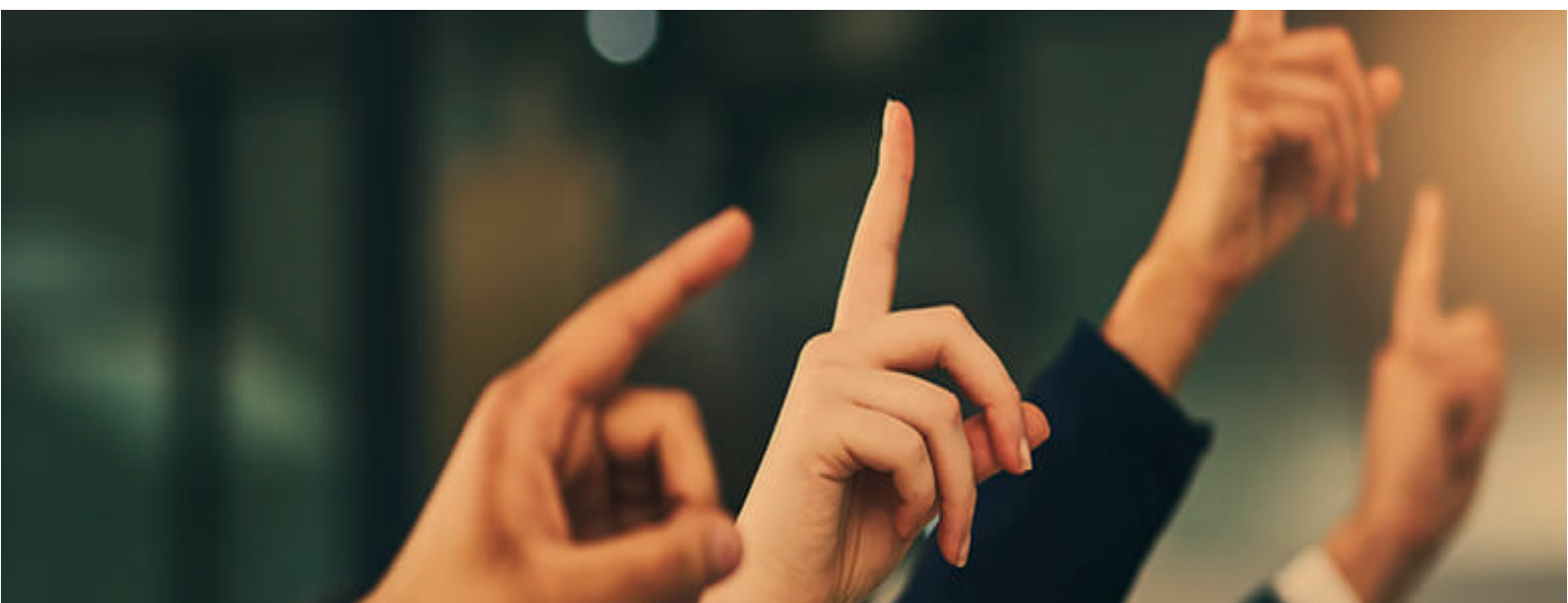
## TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>238</b>	<b>24.453.617</b>	<b>244.536.170.000</b>	<b>99,80%</b>
1	Cổ đông nhà nước	1	19.823.015	198.230.150.000	80,90%
2	Cổ đông tổ chức	2	3.499.502	34.995.020.000	14,28%
3	Cổ đông cá nhân	235	1.131.100	11.311.000.000	4,62%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-</b>	<b>0,00%</b>
1	Cá nhân	0	0	-	0,00%
2	Tổ chức	0	0	-	0,00%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>1</b>	<b>48.200</b>	<b>482.000.000</b>	<b>0,20%</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>239</b>	<b>24.501.817</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>100,00%</b>

Là một doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước nên cổ đông nhà nước lớn nhất chính là Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam -CTCP nắm giữ vốn góp chi phối hơn 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Do đó, hoạt động kinh doanh cũng như huy động vốn chịu sự chi phối của Tổng công

ty Hàng hải Việt Nam. Tỷ trọng còn lại bao gồm cổ đông là tổ chức và cá nhân, ngoài ra Công ty còn có cổ phiếu quỹ.

Trong năm 2020, Công ty không thực hiện các hoạt động làm thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.



## TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu là trách nhiệm chung của cả cộng đồng và doanh nghiệp. Công ty nhận thức rõ trách nhiệm của mình đối với sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội, chính vì vậy Công ty hằng năm vẫn thực hiện đánh giá và duy trì hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015. Bên cạnh đó, Công ty ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng về phân tích môi trường như Trung tâm Quan trắc tài nguyên môi trường Khánh Hòa, Trung tâm tiêu chuẩn đo lường chất lượng Khánh Hòa... để lấy mẫu và phân tích các yếu tố về môi trường. Công ty lập báo cáo định kỳ hằng năm gửi về Sở Tài nguyên Môi trường, Phòng Cảnh sát Môi trường. Công ty đã tuân thủ nghiêm ngặt các quy định bảo vệ môi trường.

Công ty tiếp tục gia hạn hợp đồng với các công ty môi trường như Công ty Cổ phần Công trình đô thị Cam Ranh và Công ty TNHH Xử lý Môi trường sạch Việt Nam để tiến hành thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt, hàng hóa rơi vãi cũng như thu dọn các chất thải nguy hại.

Sự cố tràn dầu luôn đe dọa gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, Công ty đã chủ động tổ chức diễn tập các tình huống giả định để kịp thời ngăn ngừa cũng như ứng phó khi có sự cố tràn dầu xảy ra dưới sự giám sát của đại diện cảng vụ Hàng hải Nha Trang.

Ngoài ra, Công ty còn chú trọng đến vấn đề phòng tránh rủi ro cháy nổ ở kho bãi và trên tàu. Công ty thường xuyên tổ chức công tác diễn tập phòng cháy chữa cháy với sự tham gia của Đội Chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ Khu vực 2 Công an tỉnh Khánh Hòa. Thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa kỹ thuật định kỳ, kiểm định thường niên đối với các phương tiện thiết bị hỗ trợ vận tải cảng như: xe cầu, tàu kéo, dụng cụ xếp dỡ... tại các cơ sở dịch vụ, nhà máy đóng tàu Nha Trang để đảm bảo an toàn cho thiết bị trong quá trình sản xuất và giảm thiểu tiêu hao năng lượng. Công ty trong năm đã

nâng cấp hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng đường nội bộ, chiếu sáng cầu cảng, kho bãi và thay thế dần các thiết bị đèn chiếu sáng cao áp bằng đèn Led để giảm độ nóng gây hiệu ứng nhà kính và tiết kiệm điện.

Công ty đã đầu tư mới xe quét đường nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, đẩy mạnh phong trào “Phát huy sáng kiến - cải tiến kỹ thuật, công nghệ”, đưa ứng dụng khoa học công nghệ vào quy trình xếp dỡ và luôn cải tiến để phù hợp hơn với thực tiễn sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả, năng suất, đảm bảo an toàn, sức khỏe cho người lao động và vệ sinh môi trường.

Công ty đã duy trì tổ chức dọn vệ sinh khu vực cơ quan làm việc vào chiều thứ 6 hàng tuần. Thường xuyên tổ chức dọn vệ sinh, phát quang khu vực văn phòng làm việc, kho bãi, trục đường nội bộ của Cảng.





# **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**



## TRỤ SỞ CÔNG TY

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2019	TH 2020	% TH 2020/ TH 2019
Sản lượng	Tấn	2.972.957	2.088.972	70,27%
Doanh thu thuần	Tr.đồng	159.962	138.417	86,53%
Giá vốn hàng bán	Tr.đồng	95.662	84.404	88,23%
Lợi nhuận từ HĐKD	Tr.đồng	30.117	28.058	93,16%
Lợi nhuận khác	Tr.đồng	-225	202	-89,78%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	29.891	28.260	94,54%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	22.484	23.825	105,96%

Doanh thu thuần năm 2020 đạt gần 138,42 tỷ đồng giảm hơn 13,42% so với năm 2019. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế cao hơn so với cùng kỳ, vượt kế hoạch đề ra 5,89%. Sản lượng hàng qua cảng năm 2020 đạt 2,088 triệu tấn giảm 29,73% so với năm 2019 và chỉ hoàn thành 68% so với kế hoạch đã đề ra. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc dịch bệnh Covid-19 đã tác động tiêu cực đến sản xuất thương mại, làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động xuất nhập khẩu và từ đó làm giảm hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm qua.

Trong năm 2020, lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 5,96% so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do tác động Nghị định 114/2020/NĐ-CP nhằm mục tiêu hỗ trợ các doanh nghiệp trước những khó khăn do Đại dịch Covid-19 gây ra, Nghị định này hướng dẫn giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2020, Công ty thuộc đối tượng được xét miễn giảm thuế.

## CCR

### Hàng đá xây dựng xuất khẩu

Hàng đá xây dựng xuất khẩu chủ yếu xuất sang thị trường Singapore và Băng-La-Đét, nhưng tại một số thời điểm trong năm, dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh, Chính phủ các nước phải dừng các hoạt động xây dựng dẫn đến sản lượng hàng đá xây dựng xuất khẩu sang các thị trường này bị sụt giảm mạnh, chỉ đạt khoảng 33% so với kế hoạch cả năm. Bên cạnh đó, giá cả mặt hàng này trên thị trường Thế giới trong năm giảm hơn so với năm 2019 do cung lớn hơn cầu, dẫn đến khó khăn cho việc xuất khẩu hàng hóa của khách hàng.

## CCR

### Hàng dăm gỗ xuất khẩu

Hàng dăm gỗ xuất khẩu chủ yếu xuất sang thị trường Nhật Bản, nhưng do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, nhu cầu và giá dăm gỗ trên thị trường Thế giới giảm, các khách hàng chủ yếu bán cầm chừng để duy trì hoạt động. Sản lượng hàng dăm gỗ thông qua cảng trong năm tuy nhìn chung ổn định nhưng không đạt kế hoạch đề ra.

## Hàng cá đông lạnh



Mặt hàng cá đông lạnh nhập khẩu có mức đạt chỉ bằng 16,7% so với kế hoạch. Nguyên nhân đạt thấp là do mặt hàng này được nhập khẩu, chế biến đóng hộp và chủ yếu xuất sang thị trường Mỹ và Châu Âu, nhưng 02 thị trường này trong năm cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh Covid-19, dẫn đến các đơn hàng bị hủy.



## CCR

### Hàng hóa khác



Đối với các mặt hàng khác như clinker, xi măng, cát trắng, thiết bị xuất, nhập nội địa có mức tăng trưởng khá tốt. Cụ thể như mặt hàng clinker đạt 141,6% so với kế hoạch; hàng xi măng đạt 301,5% so với kế hoạch; hàng cát trắng đạt 121,3% so với kế hoạch; hàng thiết bị đạt 271% so với kế hoạch. Nguyên nhân, các mặt hàng này có thị trường ổn định, bên cạnh đó Công ty đã có nhiều chính sách hỗ trợ cho khách hàng, hoặc phối hợp cùng với các đối tác thực hiện chuỗi logistics để tăng năng lực cạnh tranh, đưa hàng xuất, nhập qua cảng. Tuy nhiên, các mặt hàng này có sản lượng không lớn.

Đối với mặt hàng container nội địa, với sự nỗ lực, cố gắng rất lớn của các bên, hiện tại tuyến container đã được Cảng Cam Ranh cùng với ICD Cam Ranh và Tân Cảng

Shipping phối hợp thiết lập, khai trương mở tuyến trong tháng 06/2020. Số lượt tàu container đến cảng để bốc xếp container trong năm 2020 là 09 lượt tàu, sản lượng đạt khoảng 6.258 tấn. Tuy nhiên, hiện vẫn còn rất nhiều khó khăn trong việc duy trì hoạt động của tuyến như: Giá dịch vụ của chuỗi cung ứng gặp cạnh tranh rất lớn của vận tải bằng đường bộ; thời tiết các tháng cuối năm không thuận lợi, bão gió nhiều ảnh hưởng đến lịch trình vận tải của hãng tàu; trang thiết bị, phương tiện xếp dỡ, kho, bãi chứa hàng giữa các đầu mối không đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra; ICD Cam Ranh chưa được quy hoạch, công bố và cấp phép hoạt động, dẫn đến khó khăn cho việc thực hiện chuỗi cung ứng dịch vụ logistics cho khách hàng.



S

**Lợi thế về phân hạng quy hoạch:** Cảng Cam Ranh được quy hoạch là một trong 17 cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực (loại I) thuộc nhóm cảng biển Nam Trung Bộ với khu bến cảng tổng hợp, container cho tàu trọng tải từ 30.000 đến 50.000 tấn đáp ứng cho khách hàng có tàu tải trọng lớn.

**Lợi thế về vị trí:** Cảng Cam Ranh có vị trí địa lý, điều kiện địa hình của một cảng nước sâu; có quỹ đất được quy hoạch thích hợp (69 ha) để xây dựng dịch vụ hậu cần sau cảng; kết nối thuận tiện với mạng lưới giao thông quốc gia (cách QL1A khoảng 2km; có tuyến đường sắt cũ có thể khôi phục nối liền với tuyến đường sắt quốc gia; cách sân bay quốc tế 18km), thuận lợi cho việc xây dựng mạng lưới kết cấu hạ tầng logistics hiện đại.

**Lợi thế về điều hành khai thác:** Cảng Cam Ranh là thương cảng có từ trước 1975, doanh nghiệp có bề dày hoạt động nên đội ngũ quản lý và công nhân kỹ thuật có kinh nghiệm, được đào tạo bài bản.

Chính sách mở cửa và hội nhập toàn diện của đất nước trong thời gian tới sẽ mang đến cho Công ty các cơ hội hợp tác và phát triển thị trường cũng như thực hiện liên doanh, liên kết với các Cảng trong khu vực, tận dụng hết khả năng, kinh nghiệm và trang thiết bị bốc xếp.



W

**Thiếu nguồn hàng:** khu vực chân hàng của cảng Cam Ranh không có các khu công nghiệp lớn, hạ tầng kinh tế địa phương và khu vực Nam Trung bộ kém phát triển so với các trung tâm kinh tế của cả nước, do vậy nhu cầu và sản lượng hàng hóa xuất nhập qua cảng còn hạn chế, không ổn định và không đa dạng.

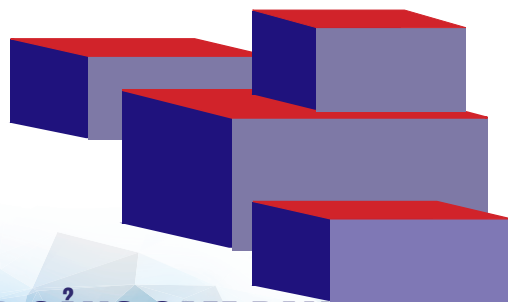
**Hạn chế về Nhà cung cấp:** các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ (cung cấp các phương tiện vận chuyển thực hiện logistics; cung cấp nhân công xếp dỡ; cung cấp điện nước,...) trên địa bàn hoặc khu vực lân cận thiếu và yếu, ít chuyên nghiệp, thường gây áp lực bằng nhiều hình thức như tăng giá đầu vào, giảm giá đầu ra.

**Hạn chế về năng lực hạ tầng và trang thiết bị:** Cầu cảng đã được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, nhưng thiếu đồng bộ. Phương tiện xếp dỡ tại cầu cảng và tại bãi vừa thiếu lại lạc hậu, luồng vào cảng với độ sâu luồng công bố hiện nay chỉ đáp ứng tiếp nhận loại 30.000 DWT đầy tải vào cảng.

**Hạn chế về kết nối hệ thống hạ tầng sau cảng:** vị trí Cảng Cam Ranh nằm trong trung tâm thành phố Cam Ranh, khu dân cư do vậy hạn chế loại hàng hóa có độ phát tán môi trường. Trong tương lai, nếu những tuyến đường chính từ cảng không mở rộng thì sẽ ảnh hưởng đến năng suất vận chuyển hàng hóa đi và đến Cảng Cam Ranh.

**Cảng Cam Ranh nằm trong khu vực hạn chế của khu quân sự Cam Ranh (Quyết định Số: 44/2015/QĐ-TTg)** nên khó thu hút được những nhà đầu tư nước ngoài, khách hàng có sản lượng lớn.

**Cạnh tranh từ các dịch vụ thay thế:** Ngoài phương án vận chuyển hàng hóa bằng đường biển còn có vận chuyển bằng đường bộ, đường sắt nên tùy theo giá thành dịch vụ, thời gian thực hiện mà khách hàng có thể chọn các phương án vận chuyển khác nhau.



# O

# T

Theo quy hoạch của tỉnh Khánh Hòa thì Cam Ranh thuộc khu trọng điểm kinh tế phía Nam để phát triển các khu công nghiệp và dịch vụ, hy vọng với sự hỗ trợ của địa phương cùng với công tác thị trường của cảng được đẩy mạnh thì hàng hóa thông qua cảng sẽ giữ vững sự ổn định và tăng trong thời gian tới.

Cảng Cam Ranh nằm gần khu vực có các mỏ đá trữ lượng lớn để khai thác đá xây dựng xuất khẩu; gần các khu quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời.

Cảng Nha Trang đã quy hoạch chuyển thành Bến tàu khách quốc tế, do vậy một phần hàng hóa về Cảng Nha Trang hiện nay sẽ dịch chuyển về Cảng Cam Ranh.

**Thách thức về thị trường cạnh tranh:** Môi trường cạnh tranh ngày càng quyết liệt với sự xuất hiện ngày càng nhiều của các doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng, cũng như xuất hiện các nhà vận tải đa phương thức tại khu vực.

**Thách thức về thị trường hàng hóa:** Tại khu vực không có khu công nghiệp, khu chế xuất lớn, hàng hóa chủ yếu là hàng nông - lâm - thủy sản, khoáng sản và số ít là hàng công nghiệp nhẹ được xuất, nhập thô. Do vậy không có chân hàng ổn định. Việc tìm kiếm nguồn hàng mới, giữ ổn định khách hàng cũ, duy trì và phát triển sản xuất, kinh doanh là thách thức hàng đầu.

**Thách thức về năng lực tiếp nhận, khai thác tàu:** hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị: Chỉ có 01 bến tàu 5 vạn tấn và 01 bến tàu 3 vạn tấn, nhưng tuyến luồng chưa được nạo vét đồng bộ; năng lực, phương tiện xếp dỡ hiện nay còn thiếu và yếu, năng suất xếp dỡ còn thấp, chưa khai thác được những hàng hóa thiết bị có trọng lượng lớn, do vậy, Cảng Cam Ranh phải có Chiến lược phát triển đầu tư hạ tầng kỹ thuật, phương tiện thiết bị, nguồn nhân lực để nâng cao khả năng cạnh tranh với những cảng trong khu vực.

**Nguồn tích lũy để đầu tư phát triển:** Nguồn lực tài chính của công ty hạn chế nên công ty chỉ đầu tư các dự án khi có nhu cầu từ khách hàng, các dự án đầu tư kho bãi thực hiện nhỏ lẻ nên suất đầu tư cao hơn khi thực hiện đầu tư đồng bộ; Nguồn vốn đầu tư của công ty đa số là dùng vào các dự án đầu tư kho bãi, cầu bến, hạ tầng kỹ thuật, công cụ dụng cụ; chưa đầu tư vào phương tiện xếp dỡ tại cầu cảng và tại bãi; chưa đầu tư trang thiết bị theo khoa học công nghệ tiên tiến.



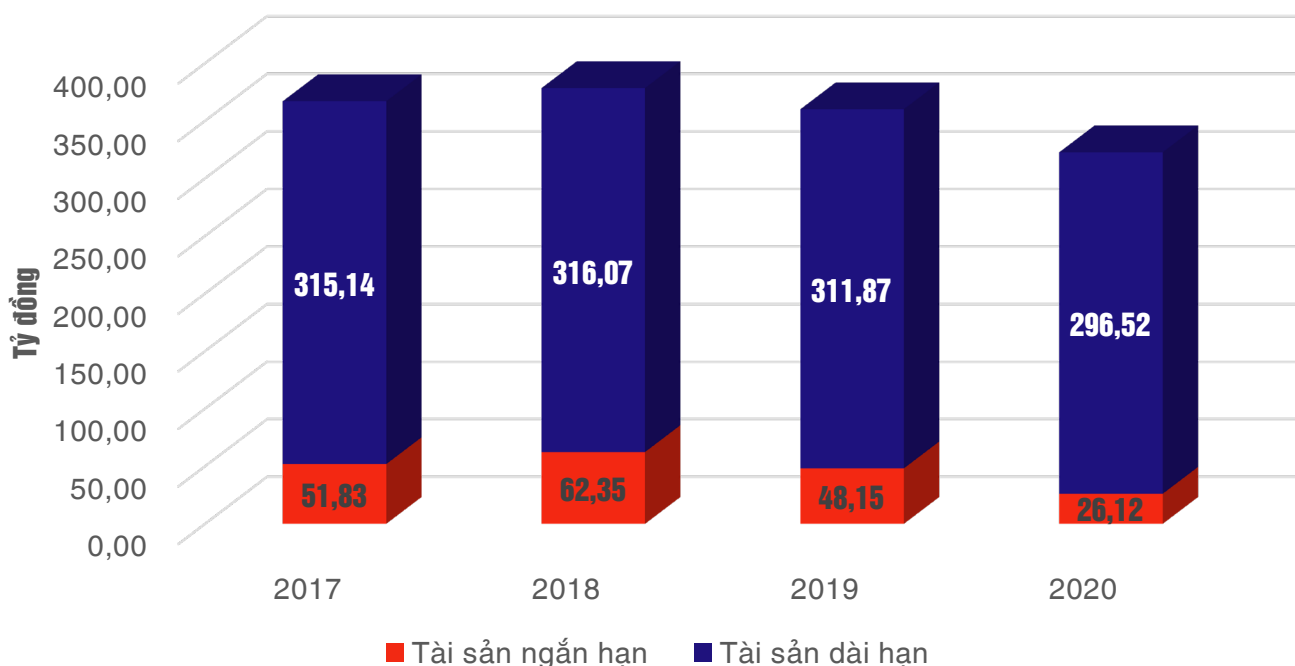
# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài sản

Tình hình tài sản của Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu ổn định. Tỷ trọng lớn ở tài sản dài hạn bởi đặc thù của các doanh nghiệp ngành cảng biển. Tổng tài sản của Công ty trong năm qua giảm 10,38% so với năm 2019, trong đó tài sản ngắn hạn giảm 22 tỷ, tài sản dài hạn giảm 15,3 tỷ. Nguyên nhân là do trong năm Công ty đã chi trả các khoản nợ vay ngân hàng. Bên cạnh đó giá trị máy móc thiết bị được mua mới tăng lên nhưng chịu khoản chi phí khấu hao lớn gần 19 tỷ đồng trong năm nên đã làm giảm giá trị tổng tài sản trong năm 2020.

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	48.149	13,37%	26.116	8,09%
Tài sản dài hạn	311.873	86,63%	296.524	91,91%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>360.022</b>	<b>100,00%</b>	<b>322.640</b>	<b>100,00%</b>

## TÌNH HÌNH TÀI SẢN QUA CÁC NĂM

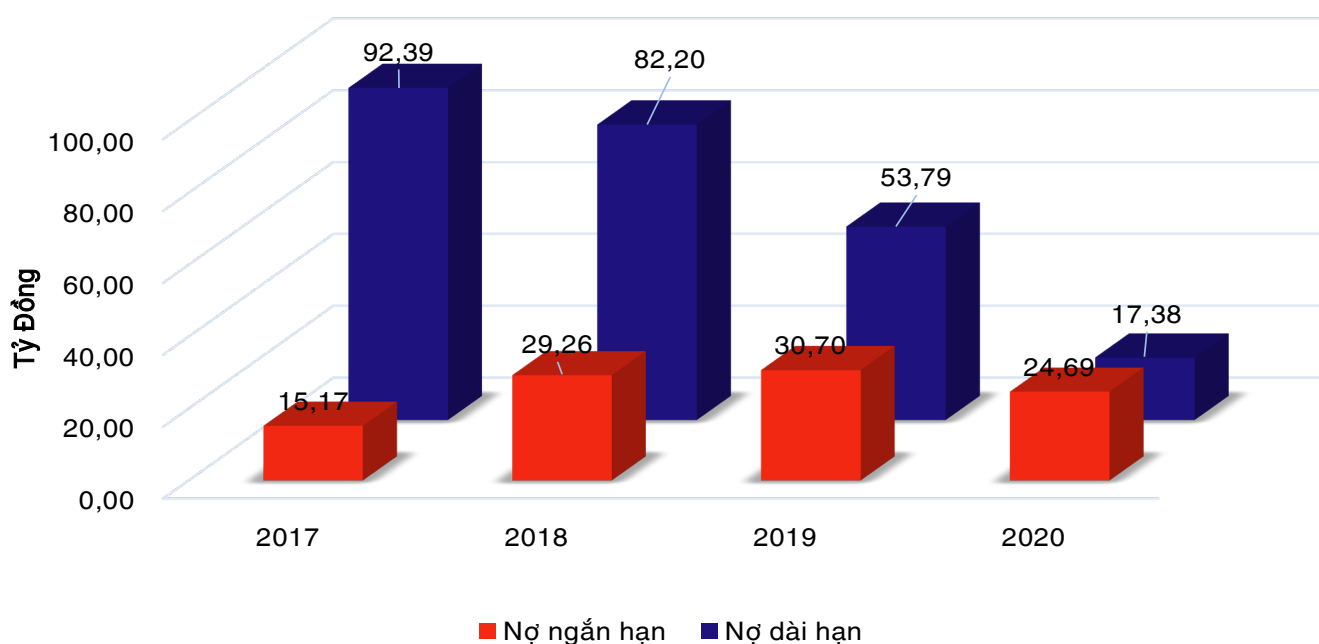


## Tình hình nợ

Tổng nợ trong năm 2020 đã giảm một cách rõ rệt. Tổng nợ giảm hơn 50,2% so với năm 2019. Khoản nợ ngắn hạn năm 2020 giảm gần 19,57% so với năm 2019, trong năm khoản phải trả cho người lao động đã giảm gần 37% so với năm 2019. Nếu năm 2019 khoản nợ vay dài hạn là 46 tỷ đồng thì đến năm 2020 chỉ còn 12 tỷ đồng, giảm gần 73,91% so với năm 2019. Trong bối cảnh kinh tế khó khăn do dịch bệnh Covid-19 hoành hành và kéo dài Công ty đã chủ động cơ cấu lại nguồn vốn để thích ứng với điều kiện kinh doanh trong giai đoạn khó khăn.

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	30.700	36,34%	24.693	58,69%
Nợ dài hạn	53.789	63,66%	17.380	41,31%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>84.489</b>	<b>100,00%</b>	<b>42.073</b>	<b>100,00%</b>

## TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ QUA CÁC NĂM





## VỀ CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

- Đẩy mạnh phát triển mở rộng thị trường, khách hàng mới trên cơ sở giữ vững thị trường và khách hàng hiện có.
- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật (đầu tư hệ thống điện, nước, đường giao thông nội bộ), đầu tư thiết bị môi trường thu gom cát, đá chuyên dụng; đầu tư công cụ xếp dỡ, cải tiến quy trình, nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn trong xếp dỡ hàng hóa.
- Tiếp tục duy trì hợp tác với ICD Cam Ranh để khôi phục tuyến container nội địa.
- Lấy nguồn nhân lực làm trọng tâm của sự phát triển, nhất là bộ phận kinh doanh, marketing: đào tạo nâng cao tay nghề của đội ngũ kỹ thuật và công nhân trong hoạt động khai thác những mặt hàng mới.
- Chuẩn hóa công tác quản trị sản xuất để nâng cao chất lượng dịch vụ và năng suất lao động như: Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ; triển khai áp dụng hệ thống đánh giá kết quả thực hiện công việc (KPIs), xem xét áp dụng phần mềm quản lý khai thác cảng biển.

## Sản phẩm mới thị trường mới

Mặt hàng thiết bị điện gió của các dự án mới được triển khai tại khu vực; mặt hàng thiết bị xe cầu được nhập khẩu, mặt hàng muối rời nhập khẩu, xỉ than xuất, nhập nội địa.

# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

## Mục tiêu phát triển

- Giữ vững và ổn định thị phần khách hàng hiện có, tránh rơi vào tình trạng suy giảm năng lực cạnh tranh, thu hẹp thị phần.
- Đẩy mạnh công tác thị trường nhằm thu hút thêm khách hàng mới
- Tăng nguồn thu cải thiện lợi nhuận, tiết giảm chi phí hướng đến mục tiêu chung là duy trì sự ổn định và phát triển bền vững của Cảng.
- Cải thiện năng suất lao động, đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin trong sản xuất và quản lý.

## Thị trường và khách hàng mục tiêu

- Thị trường chủ yếu vẫn là chân hàng quanh khu vực Nam Trung Bộ với các mặt hàng đá, khoáng sản, hàng rời, dăm gỗ xuất khẩu.
- Khách hàng mục tiêu là nhóm khách hàng có chân hàng xuất ổn định và cơ sở hạ tầng đầu tư bền vững, lâu dài.

## Chỉ tiêu kế hoạch năm 2021

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	So sánh
1	Sản lượng	Tấn	2.088.972	2.700.000	29,30%
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	138.417	160.000	15,60%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	Tr.đồng	28.058	30.900	10,10%
4	Lợi nhuận khác	Tr.đồng	202	100	-50,50%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	28.260	31.000	9,70%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	23.825	24.800	4,10%

# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

## Cơ cấu xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch

Căn cứ vào công tác điều tra thị trường, tình hình kế hoạch hàng hóa của các chủ hàng thông qua cảng năm 2021, căn cứ vào mức độ cạnh tranh của các cảng trong khu vực và đặc điểm tình hình phát triển cơ sở hạ tầng tại địa phương và khu vực.

Kết quả thực hiện kinh doanh năm 2020

Khảo sát, phân tích và dự báo thị trường cho năm 2021, nhu cầu thực tiễn của chủ hàng đã và sắp ký hợp đồng khai thác hàng qua cảng (bao gồm một số mặt hàng mới dự kiến sẽ phát sinh), bao gồm:

Khảo sát nhu cầu thị trường, khách hàng; tập trung trọng điểm thị trường khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Các khách hàng mục tiêu tiếp tục là các khách hàng lớn của cảng với mặt hàng chủ lực là dăm gỗ, cát, đá, xi măng và các Tập đoàn lớn mà Tổng công ty đã ký kết các thoả thuận hợp tác như Tập đoàn Than và Khoáng sản với các dự án than, alumin; với Tập đoàn thép, Tập đoàn xi măng; Tập đoàn Điện lực Việt Nam với các dự án năng lượng, thiết bị.

## Đánh giá sự phù hợp của chỉ tiêu với thị trường, dự địa phát triển của doanh nghiệp

Các chỉ tiêu kế hoạch được xây dựng qua khảo sát thực tế thị trường và tiếp cận trực tiếp khách hàng, trong đó đặc biệt quan tâm là các khách hàng lớn thuộc nhóm hàng xuất nhập khẩu, đồng thời phân tích dự kiến các ảnh hưởng từ chính sách vĩ mô của nhà nước và các chính sách hỗ trợ hoặc hạn chế liên quan của địa phương.

Tổng sản lượng kế hoạch 2021 trên 2,7 triệu tấn, chủ yếu là hàng rời, khả năng tiếp nhận lượng hàng và tàu như thế này đều nằm tầm dự địa phát triển của doanh nghiệp về công suất thiết kế cầu bến đến khả năng thiết bị, nhân công để bảo đảm năng suất khai thác hàng.

## Nguyên nhân tăng/giảm (Phân tích nguồn hàng)

Trong cơ cấu sản lượng theo kế hoạch, hai mặt hàng chính là hàng dăm gỗ và đá xây dựng xuất khẩu chiếm tỷ trọng khoảng gần 80% tổng sản lượng hàng thông qua cảng hàng năm. Tuy nhiên, 02 mặt hàng này trong năm đạt mức rất thấp, chỉ bằng 62,72% so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Trong đó:

- Hàng dăm gỗ xuất khẩu chủ yếu xuất sang thị trường Nhật Bản, nhưng do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, nhu cầu và giá dăm gỗ trên thị trường Thế giới giảm, các khách hàng chủ yếu bán cầm chừng để duy trì hoạt động. Sản lượng hàng dăm gỗ thông qua cảng trong năm tuy nhìn chung ổn định nhưng không đạt kế hoạch đề ra.
- Hàng đá xây dựng xuất khẩu chủ yếu xuất sang thị trường Singapore và Băng-La-Đét, nhưng tại một số thời điểm trong năm, dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh, Chính phủ các nước phải dừng các hoạt động xây dựng dẫn đến sản lượng hàng đá xây dựng xuất khẩu sang các thị trường này bị sụt giảm mạnh, chỉ đạt khoảng 33% so với kế hoạch cả năm. Bên cạnh đó, giá cả mặt hàng này trên thị trường Thế giới trong năm giảm hơn so với năm 2019 do cung lớn hơn cầu, dẫn đến khó khăn cho việc xuất khẩu hàng hóa của khách hàng.
- Mặt hàng cá đông lạnh nhập khẩu có mức đạt chỉ bằng 16,7% so với kế hoạch. Nguyên nhân đạt thấp là do mặt hàng

này được nhập khẩu, chế biến đóng hộp và chủ yếu xuất sang thị trường Mỹ và Châu Âu, nhưng 02 thị trường này trong năm cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh Covid-19, dẫn đến các đơn hàng bị hủy.

- Hàng vật liệu xây dựng xuất nội địa đi các đảo lượng hàng xuất qua cảng không đạt được mức kỳ vọng do các dự án ở các đảo bị hoãn, hoặc giãn tiến độ, đồng thời hiện cũng đang gặp cạnh tranh từ các Cảng Vĩnh Tân và Cảng Ninh Chữ.

Đối với các mặt hàng khác như clinker, xi măng, cát trắng, thiết bị xuất, nhập nội địa có mức tăng trưởng khá tốt. Cụ thể như mặt hàng clinker đạt 141,6% so với kế hoạch; hàng xi măng đạt 301,5% so với kế hoạch; hàng cát trắng đạt 121,3% so với kế hoạch; hàng thiết bị đạt 271% so với kế hoạch. Nguyên nhân, các mặt hàng này có thị trường ổn định, bên cạnh đó Công ty đã có nhiều chính sách hỗ trợ cho khách hàng, hoặc phối hợp cùng với các đối tác thực hiện chuỗi logistics để tăng năng lực cạnh tranh, đưa hàng xuất, nhập qua cảng. Tuy nhiên, các mặt hàng này có sản lượng không lớn.

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

## Vấn đề môi trường

Cảng Cam Ranh báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty trong năm 2020 như sau:

Tiêu thụ năng lượng:

- Dầu Diesel: 87.906 lít
- Xăng: 7.658 lít
- Nhớt: 579 lít
- Điện: 496.062 Kw/h (Sản xuất, sinh hoạt và kinh doanh)

Tiêu thụ nước:

- Nước: 22.453 m<sup>3</sup> (Sinh hoạt và kinh doanh)

Mức tiêu thụ năng lượng trong năm qua được Công ty sử dụng một cách hiệu quả và tiết kiệm. Với mức sử dụng năng lượng như trên là hợp lý đối với đặc thù ngành, nghề kinh doanh tại Công ty vốn phải sử dụng chi phí nhiều cho nhiên liệu để vận hành và hoạt động các máy móc thiết bị vận chuyển. Ngoài ra, Công ty còn tuyên truyền rộng rãi về ý thức sử dụng tiết kiệm điện năng, nước, nhiên liệu...trong Công ty nhằm tiết giảm chi phí tránh lãng phí góp một phần nhỏ trong việc bảo vệ môi trường tại cơ sở làm việc cũng như với địa phương.



## Trách nhiệm xã hội

Với vị thế là một doanh nghiệp lớn tại địa bàn, chính sách của Công ty là luôn tuyển dụng lao động tại địa phương, qua đó cung cấp cơ hội việc làm cho cộng đồng tại địa bàn mà Công ty đang hoạt động.

Công ty khuyến khích sử dụng các nhà cung cấp địa phương, đặc biệt là cung ứng các dịch vụ xếp dỡ bằng nhân công hoặc thiết bị máy móc, dịch vụ vận chuyển. Tổng chi phí dịch vụ thuê ngoài đang sử dụng của Công ty hầu hết từ nguồn cung cấp tại địa phương. Công ty là một trong những doanh nghiệp có sự cam kết và liên tục thực hiện các hoạt động đóng góp cho chương trình nhân đạo, xã hội từ thiện, xóa đói giảm nghèo của địa phương.



## VỀ LAO ĐỘNG

### Chính sách đào tạo cho CBCNV năm 2020

Với phương châm lấy con người làm trọng tâm của sự phát triển, trong năm qua Công ty đã ưu tiên phát triển nguồn nhân lực. Với mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ CBCNV đạt trình độ cao về chuyên môn, nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và tâm huyết với công việc.

Tại Cảng Cam Ranh, tất cả CBCNV đều có cơ hội tham gia các chương trình đào tạo nghiệp vụ theo yêu cầu công việc; theo kế hoạch đào tạo, phát triển hàng năm; Công ty cũng khuyến khích và tạo điều kiện CBCNV chủ động đề xuất tham gia các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn trong công việc và được Công ty hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí.

Hiện tại, công ty có các hình thức đào tạo: đào tạo tại chỗ; Cử CBCNV tham dự các hội nghị, hội thảo bên ngoài; Cử CBCNV đi học tại các trường, các cơ sở, trung tâm đào tạo có uy tín bên ngoài.

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu đào tạo từ các phòng, trung tâm và bám sát vào chiến lược phát triển của công ty, công ty lên kế hoạch học tập, đào tạo. Trong năm qua, Công ty đã cử rất nhiều cán bộ, công nhân viên đi học tập các lớp về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị; phối hợp với

các trường, trung tâm đào tạo tổ chức các lớp đào tạo về văn hóa doanh nghiệp cho toàn thể cán bộ, công nhân viên; tổ chức đào tạo cho 36 công nhân về nghiệp vụ bốc xếp hàng hóa; tự tổ chức đào tạo cho 17 cán bộ, công nhân viên về nghiệp vụ khai thác cảng biển và Anh văn chuyên ngành hàng hải; đồng thời cử rất nhiều cán bộ, công nhân viên tham gia các lớp đào tạo trực tuyến do Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tổ chức.

Có thể thấy, song song với việc cử CBCNV đào tạo ngoài, công ty chú trọng tới công tác đào tạo nội bộ, ngoài mục đích chia sẻ kiến thức, kỹ năng những buổi đào tạo nội bộ này tạo ra sự gắn kết CBCNV trong công ty.

Công tác tuyển dụng lao động đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty, nhất là lao động có trình độ chuyên môn, lao động kỹ thuật cao luôn được quan tâm. Trong năm, Công ty đã tuyển dụng 08 lao động, trong đó 02 lao động có trình độ thạc sĩ, 06 lao động có trình độ chuyên môn, tay nghề, đạo đức, phẩm chất tốt để bổ trí bổ sung lao động cho các đơn vị, tổ đội trực thuộc. Qua thử việc, các lao động đã thể hiện được năng lực, tay nghề, tinh thần, thái độ làm việc, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.



## Chính sách lương thưởng phúc lợi cho CBCNV

Chính sách về lương, thưởng, phúc lợi cho người lao động luôn được công ty quan tâm, thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo mức thu nhập của người lao động được ổn định, đời sống tinh thần của người lao động được nâng cao.

Công ty đã triển khai áp dụng chính sách trả lương mới cho người lao động, đặc biệt trong việc thực hiện trả lương thời gian theo phương pháp 3Ps (phương pháp trả lương dựa vào vị công việc, năng lực, kết quả công việc) góp phần phát huy tính năng động, sáng tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công việc. Đồng thời đảm bảo tính công bằng trong chính sách trả lương của Công ty đối với người lao động.

Tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, Công ty sẽ thưởng cho người lao động vào các dịp Lễ, Tết; thưởng năng suất,

thưởng định mức. Ngoài ra công ty cũng có chính sách phù hợp được quy định trong Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động của công ty đảm bảo có việc làm 100% trong năm, ổn định thu nhập cho người lao động.

Mặc dù tình hình kinh doanh của Công ty trong năm 2020 gặp rất nhiều khó khăn, bình quân cao lao động của khối trực tiếp sản xuất chỉ đạt 19 ca/tháng (năm 2019 là 23 ca/tháng), nhưng Công ty vẫn cố gắng duy trì và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động, như: tiền lương, thưởng, đóng BHXH, BHYT, THTN, BHTNLĐ, đồng thời luôn quan tâm, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tổ chức các đợt về nguồn, thăm hỏi hiếu hỉ, tặng quà cho các gia đình nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, giúp người lao động yên tâm công tác, gắn bó với Công ty và vươn lên trong cuộc sống.



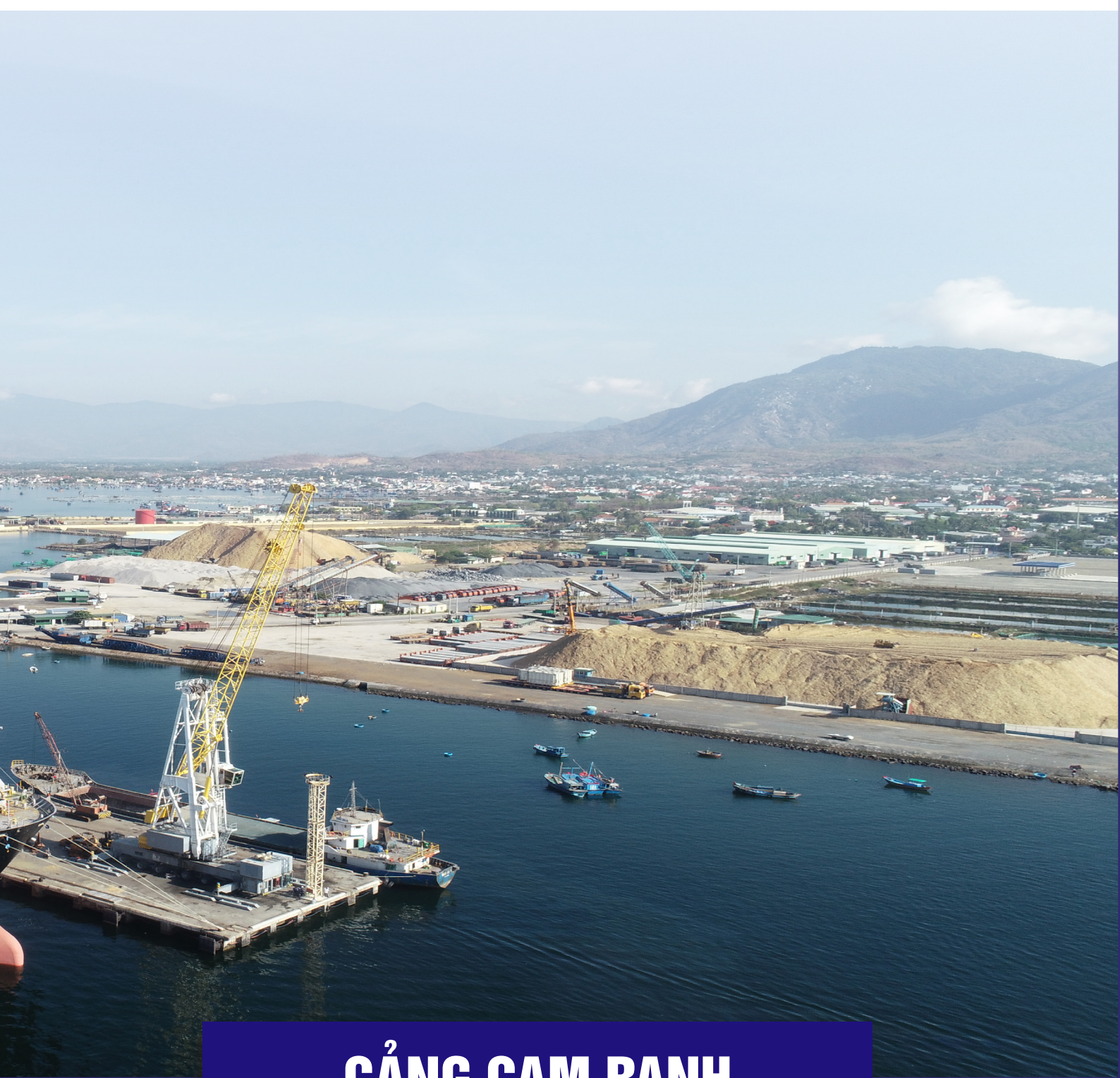




# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

57

CTCP CẢNG CAM RANH



# CẢNG CAM RANH

## DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu/ đại diện	Tỷ lệ sở hữu
1	Phạm Hữu Tấn	Chủ tịch	5.611.815	22,90%
2	Nguyễn Viết Nhâm	Thành viên	5.390.400	22,00%
3	Nguyễn Văn Tài	Thành viên	3.497.102	14,27%
4	Nguyễn Đăng Song	Thành viên	4.410.400	18,00%
5	Hoàng Quốc Phương	Thành viên	4.410.400	18,00%

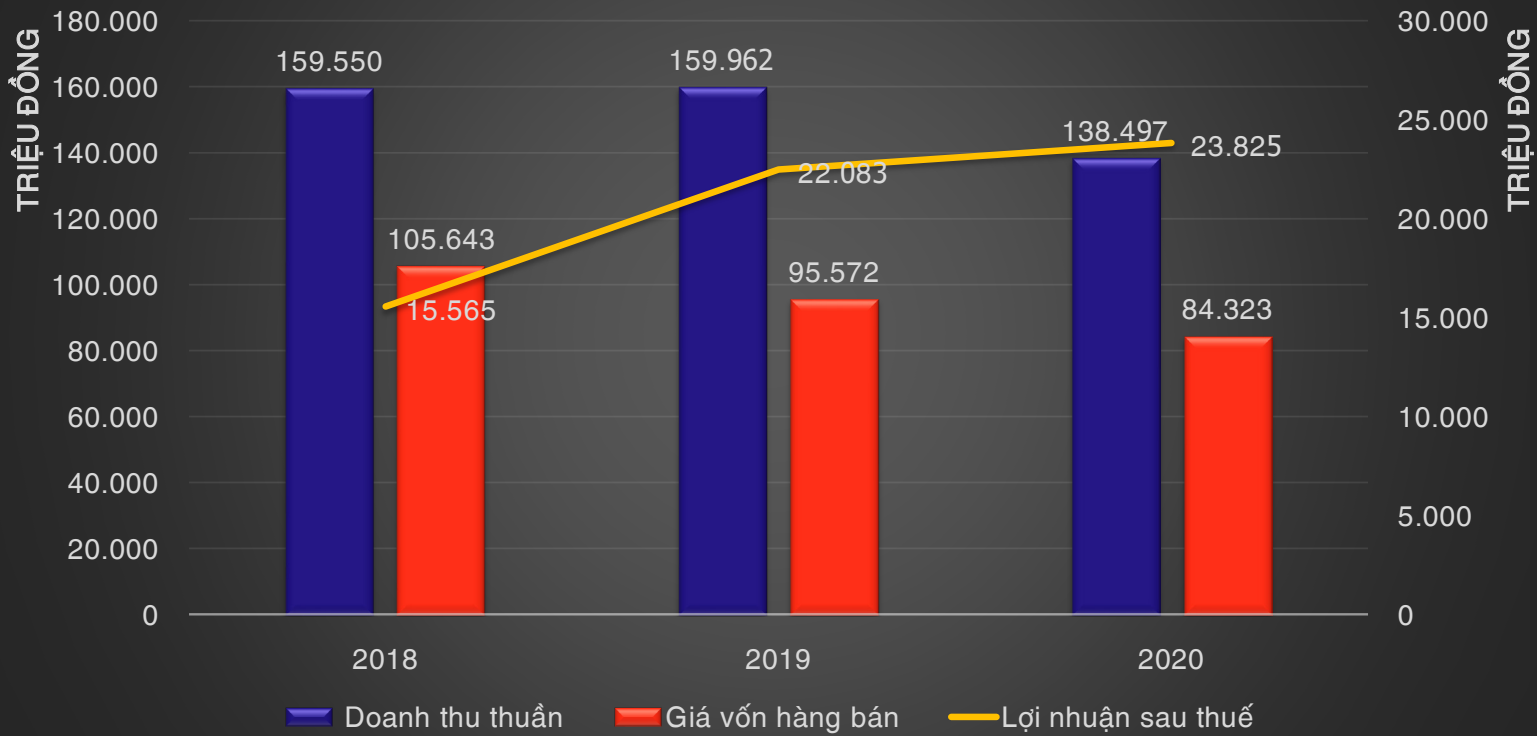
## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Tiếp bước thành công của năm 2019, ngay từ đầu năm 2020, Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty đã đẩy mạnh việc khảo sát, nắm vững tình hình thị trường, tận dụng thời cơ, đặt ra mục tiêu tăng trưởng và quyết tâm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch SXKD đề ra. Tuy nhiên, tình hình kinh tế, chính trị Thế giới của năm 2020 xảy ra nhiều diễn biến phức tạp, khó lường. Trong đó, căng thẳng thương mại, công nghệ Mỹ-Trung và địa chính trị giữa các nước đã ảnh hưởng đến hoạt động thương mại toàn cầu; Dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh, lan rộng, kéo dài từ đầu năm, cùng với đó biến đổi khí hậu, thiên tai, lũ lụt, sạt lở, giông lốc xảy ra ở nhiều nơi làm sụt giảm các hoạt động giao thương hàng hóa giữa các quốc gia và châu lục. Ở trong nước, tình hình kinh tế, xã hội bị ảnh hưởng nặng nề, nhiều doanh nghiệp có thời

điểm phải dừng hoạt động, hoặc hoạt động cầm chừng để duy trì sản xuất, kinh doanh, cố gắng vượt qua giai đoạn khó khăn. Nền kinh tế Thế giới và trong nước những tháng cuối năm tuy có dần hồi phục nhưng chậm và còn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. Tại khu vực Nam Trung bộ và Tây nguyên, thị trường hàng hóa sụt giảm sản lượng do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Sự xuất hiện hàng loạt các cảng mới tại khu vực vốn đã có thị trường hạn hẹp, dẫn tới thực trạng dư cung khiến cạnh tranh ngày càng quyết liệt hơn, đặc biệt tại khu vực cụm cảng Vân Phong - Bắc Khánh Hòa và cụm cảng Vĩnh Tân - Bình Thuận. Tất cả các vấn đề trên tạo nên một bức tranh với nhiều gam màu xám cho hoạt động quản lý, khai thác cảng tại khu vực, trong đó có Cảng Cam Ranh.

Trong bối cảnh rất nhiều khó khăn trên, Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty đã nhận định, nắm bắt tình hình, đề ra nhiều giải pháp, triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, cùng với đó là sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, sự hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi từ phía Lãnh đạo UBND tỉnh Khánh Hòa và các cơ quan, ban, ngành hữu quan trong Tỉnh; đặc biệt là sự đoàn kết, phát huy tính năng động sáng tạo, tinh thần vượt khó và ý thức thực hành tiết kiệm của toàn thể cán bộ công nhân viên đã giúp Công ty thực hiện và đạt được kết quả của năm 2020 cụ thể như sau.

### Hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm



### Hoạt động sản xuất kinh doanh qua các thời điểm

Trước khó khăn chung của nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Cảng Cam Ranh giảm 13,42% so với năm 2019. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 5,96% so với năm 2019 nhờ vào việc chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành giảm 42,27% so với năm 2019 và số lượng đơn hàng của Công ty trong năm nay tăng so với năm 2019. Các mặt hàng này có đặc điểm chi phí khai thác thấp, tỷ suất sinh lợi cao do vậy lợi nhuận sau thuế tăng so với năm trước. Để có được kết quả đó, Hội đồng quản trị đã định hướng

chiến lược rõ ràng đối với kế hoạch hoạt động trong năm và không ngừng triển khai phương án quản trị như quản lý kỹ thuật, quản lý nhân công, mua sắm máy móc thiết bị,... đều được thực hiện nhất quán, có hệ thống. Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo thực hiện kịp thời, hỗ trợ và giải quyết nhanh chóng những vấn đề chưa giải quyết ở năm 2020 đồng thời thúc đẩy chuyên môn hóa năng lực kinh doanh cho cả Công ty. Đây chính là động lực để CTCP Cảng Cam Ranh tiếp tục nâng cao các giá trị của mình trong năm tiếp theo.

# **DÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN ĐIỀU HÀNH**

Trong năm qua, Ban Tổng giám đốc Công ty đã tập trung và phát huy mọi nguồn lực để hoạt động theo đúng định hướng, mục tiêu và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đề ra. Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm và theo dõi sát tình hình từ công tác nội bộ đến công tác đối ngoại, từ đó, đề xuất nhiều vấn đề, phương hướng quan trọng để Hội đồng quản trị xem xét và đưa ra những giải pháp để hạn chế những bất lợi của tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2020.

Ban điều hành Cảng Cam Ranh cũng đã nỗ lực, chủ động nghiên cứu, xây dựng và triển khai nhiều giải pháp trong điều kiện nguồn lực của Cảng Cam Ranh còn hạn chế để từng bước ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trước sự cạnh tranh ngày càng gia tăng và diễn biến khó lường của tình hình thị trường; đồng thời chuyên môn hóa các ngành chính của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả, tăng lợi nhuận và đem đến lợi ích cho các cổ đông.

## **CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Mục tiêu phát triển**

- Giữ vững và ổn định thị phần khách hàng hiện có, tránh rơi vào tình trạng suy giảm năng lực cạnh tranh, thu hẹp thị phần. Đẩy mạnh công tác thị trường nhằm thu hút thêm khách hàng mới.
- Tăng nguồn thu cải thiện lợi nhuận, tiết giảm chi phí hướng đến mục tiêu chung là duy trì sự ổn định và phát triển bền vững của Cảng.
- Cải thiện năng suất lao động, đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin trong sản xuất và quản lý.

### **Thị trường và khách hàng**

- Thị trường chủ yếu vẫn là chân hàng quanh khu vực Nam Trung Bộ và một phần Nam Tây Nguyên với các mặt hàng đá, khoáng sản, hàng rời, dăm gỗ xuất khẩu.
- Khách hàng mục tiêu là nhóm khách hàng có chân hàng xuất ổn định và cơ sở hạ tầng đầu tư bền vững, lâu dài.

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Thực hiện 2020</b>	<b>Kế hoạch 2021</b>	<b>Tăng giảm</b>
1	Sản lượng	Tấn	2.088.972	2.700.000	29,30%
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	138.497	160.000	13,44%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	Tr.đồng	28.058	30.900	10,10%
4	Lợi nhuận khác	Tr.đồng	202	100	-50,50%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	28.260	31.000	9,70%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	23.825	24.800	4,10%

## Cơ sở xây dựng kế hoạch

Năm 2021 được dự báo sẽ là một năm tiếp tục đầy khó khăn đối với Cảng Cam Ranh trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ kinh doanh và cung cấp dịch vụ. Đại dịch Covid-19 trên thế giới vẫn chưa được khống chế, đang diễn biến phức tạp, khó lường; các yếu tố bất lợi về thị trường hàng hóa, về cạnh tranh, lôi kéo nguồn hàng, khách hàng giữa các cảng trong khu vực... chắc chắn sẽ tạo nên một áp lực lớn cho doanh nghiệp trong việc triển khai thực hiện và hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đã đề ra.

Trên cơ sở công tác điều tra, khảo sát, phân tích thị trường, tình hình kế hoạch hàng hóa của các chủ hàng thông qua cảng năm 2020; mức độ cạnh tranh của các cảng trong khu vực, dự kiến cơ cấu sản lượng hàng hóa năm 2021 và đặc điểm tình hình phát triển cơ sở hạ tầng tại địa phương và khu vực. Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

## Nguyên nhân tăng giảm

Hàng dăm gỗ xuất khẩu chủ yếu xuất sang thị trường Nhật Bản, nhưng do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, nhu cầu và giá dăm gỗ trên thị trường Thế giới giảm, các khách hàng chủ yếu bán cầm chừng để duy trì hoạt động. Sản lượng hàng dăm gỗ thông qua cảng trong năm tuy nhìn chung ổn định nhưng không đạt kế hoạch đề ra.

Hàng đá xây dựng xuất khẩu chủ yếu xuất sang thị trường Singapore và Băng-La-Đét, nhưng tại một số thời điểm trong năm, dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh, Chính phủ các nước phải dừng các hoạt động xây dựng dẫn đến sản lượng hàng đá xây dựng xuất khẩu sang các thị trường

này bị sụt giảm mạnh, chỉ đạt khoảng 33% so với kế hoạch cả năm. Bên cạnh đó, giá cả mặt hàng này trên thị trường Thế giới trong năm giảm hơn so với năm 2019 do cung lớn hơn cầu, dẫn đến khó khăn cho việc xuất khẩu hàng hóa của khách hàng.

Mặt hàng cá đông lạnh nhập khẩu có mức đạt chỉ bằng 16,7% so với kế hoạch. Nguyên nhân đạt thấp là do mặt hàng này được nhập khẩu, chế biến đóng hộp và chủ yếu xuất sang thị trường Mỹ và Châu Âu, nhưng 02 thị trường này trong năm cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh Covid-19, dẫn đến các đơn hàng bị hủy.

Hàng vật liệu xây dựng xuất nội địa đi các đảo, lượng hàng này xuất qua cảng không đạt được mức kỳ vọng do các dự án ở các đảo bị hoãn, hoặc giãn tiến độ, đồng thời hiện Cảng Cam Ranh cũng đang gặp cạnh tranh từ các Cảng Vĩnh Tân và Cảng Ninh Chữ.

Đối với các mặt hàng khác như clinker, xi măng, cát trắng, thiết bị xuất, nhập nội địa có mức tăng trưởng khá tốt. Cụ thể như mặt hàng clinker đạt 141,6% so với kế hoạch; hàng xi măng đạt 301,5% so với kế hoạch; hàng cát trắng đạt 121,3% so với kế hoạch. Nguyên nhân, các mặt hàng này có thị trường ổn định, bên cạnh đó Công ty đã có nhiều chính sách hỗ trợ cho khách hàng, hoặc phối hợp cùng với các đối tác thực hiện chuỗi logistics để tăng năng lực cạnh tranh, đưa hàng xuất, nhập qua cảng. Tuy nhiên, các mặt hàng này có sản lượng không lớn.



# BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

63

CTCP CẢNG CAM RANH



# TÀU CHỞ CÁNH QUẠT GIÓ



## CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức mười (10) cuộc họp (trực tiếp, trực tuyến) và mười lăm (15) lần lấy ý kiến bằng văn bản. Hội đồng quản trị đã ban hành hai mươi chín (29) Nghị quyết và ba mươi bảy (37) Quyết định để triển khai thực hiện công tác quản lý tổ chức điều hành của Công ty.

Tính đến ngày 31/12/2020

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Hữu Tấn	10/10	100%	
2	Ông Nguyễn Việt Nhâm	10/10	100%	
3	Ông Nguyễn Văn Tài	10/10	100%	
4	Ông Nguyễn Đăng Song	10/10	100%	
5	Ông Hoàng Quốc Phương	10/10	100%	

## CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH TRONG NĂM

### Nghị quyết

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2020/NQ-CCR.HĐQT	15/01/2020	Nghị quyết HĐQT về việc chấp thuận chủ trương bổ nhiệm PTGD Công ty từ nguồn nhân sự tại chỗ	100%
2	02/2020/NQ-CCR.HĐQT	20/01/2020	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua hợp đồng, giao dịch với Công ty con- Công ty CPDVHH Cảng Cam Ranh	100%
3	03/2020/NQ-CCR.HĐQT	30/01/2020	Nghị quyết HĐQT về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 và trích lập quỹ dự phòng tiền lương	100%
4	04/2020/NQ-CCR.HĐQT	28/02/2020	Nghị quyết HĐQT về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, nhiệm kỳ 2020-2025 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	100%

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
5	05/2020/NQ-CCR.HĐQT	28/02/2020	Nghị quyết HĐQT Quý 1/2020 (Thống nhất ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách tham dự ĐHĐCĐ 2020; 1.Thống nhất phê duyệt BSC-KPI năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh; 2. Thống nhất thông qua Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh; bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thu Thủy, Trưởng phòng Kinh doanh Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh, giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh)	100%
6	06/2020/NQ-CCR.HĐQT	06/04/2020	Nghị quyết HĐQT về việc gia hạn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và nhiệm kỳ 2020-2025 không trễ hơn ngày 30/06/2020	100%
7	07/2020/NQ-CCR.HĐQT	10/04/2020	Nghị quyết HĐQT về chủ trương bổ nhiệm CTHĐQT và TGD Công ty CP Cảng Cam Ranh	100%
8	08/2020/NQ-CCR.HĐQT	17/04/2020	Nghị quyết HĐQT về nội dung: Ý kiến về các nội dung xin ý kiến của CMS, thống nhất chủ trương chuyển chức năng khai thác dịch vụ xăng dầu và khai thác Bến thủy nội địa từ TTKT sang PKD; chủ trương thay đổi NĐDPV của CCR tại CMS giữ chức danh CTHĐQT CMS)	100%
9	09/2020/NQ-CCR.HĐQT	27/04/2020	Nghị quyết HĐQT về việc phê duyệt quỹ tiền lương KH năm 2020	100%
10	10/2020/NQ-CCR.HĐQT	12/05/2020	Nghị quyết HĐQT về việc công tác cán bộ tại Công ty CPDVHH Cảng Cam Ranh (cử NĐDPV tại CMS)	100%
11	11/2020/NQ-CCR.HĐQT	26/05/2020	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua Chương trình, tài liệu cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, Nhiệm kỳ 2020-2025 của Công ty	100%
12	12/2020/NQ-CCR.HĐQT	26/05/2020	Nghị quyết HĐQT về việc Bầu, miễn nhiệm, bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT và TGD Công ty CP Cảng Cam Ranh	100%
13	13/2020/NQ-CCR.HĐQT	26/05/2020	Nghị quyết HĐQT về các vấn đề: (Nghiên cứu lập đề xuất đầu tư DA điện năng lượng mặt trời; Phương án sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và Báo cáo cụ thể về Phương án phát hành thêm cổ phần tăng Vốn Điều lệ của Công ty con.	100%
14	14/2020/NQ-CCR.HĐQT	01/06/2020	Nghị quyết HĐQT về việc thay đổi Người đại diện theo Pháp Luật (Thay ông Phạm Hữu Tấn thành ông Nguyễn Viết Nhâm)	100%

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
15	15/2020/NQ-CCR.HĐQT	12/06/2020	Nghị quyết HĐQT (triển khai các nội dung NQ ĐHĐCĐ 2020: chọn ngày chi trả cổ tức, thưởng Ban QLĐH, chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020, Phân công nhiệm vụ HĐQT, Thống nhất chủ trương đầu tư dự án Cầu lạc bộ công nhân-KBI; hạng mục cải tạo, chuyển đổi công năng thành văn phòng Trung tâm điều hành khai thác và bổ sung vào kế hoạch đầu tư năm 2020; giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị rà soát và ban hành lại các Quyết định thành lập Hội đồng, Tiểu Ban thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị	100%
16	16/2020/NQ-CCR.HĐQT	27/06/2020	Nghị quyết HĐQT về việc bầu Chủ tịch HĐQT, nhiệm kỳ 2020-2025 (Ông Phạm Hữu Tấn)	
17	17/2020/NQ-CCR.HĐQT	14/07/2020	Nghị quyết HĐQT về việc thống nhất chủ trương thành lập phòng Pháp chế-An ninh và Biểu giá 6 tháng cuối năm 2020	100%
18	18/2020/NQ-CCR.HĐQT	28/07/2020	Nghị quyết HĐQT về việc thành lập phòng Pháp chế-An ninh trên cơ sở phân chia một số chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tổ chức-Hành chính cũ. Bộ máy giúp việc của Ban điều hành gồm 5 phòng chức năng và 1 Trung tâm; quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các phòng, trung tâm; 2.4. Thống nhất chủ trương về công tác nhân sự đối với vị trí Trưởng phòng Pháp chế - An ninh và phụ trách phòng Tổ chức Hành chính theo đề xuất của Tổng giám đốc	100%
19	19/2020/NQ-CCR.HĐQT	28/07/2020	NQ HĐQT về việc thành lập Tổ thẩm định Dự án đầu tư xây dựng nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi	100%
20	20/2020/NQ-CCR.HĐQT	07/08/2020	NQ HĐQT về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái nổi lưới khu hành chính trung tâm-HC(A) của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh và bổ sung vào kế hoạch đầu tư năm 2020.	100%
21	21/2020/NQ-CCR.HĐQT	07/08/2020	NQ HĐQT về việc chuyển chức năng tổ chức quản lý, khai thác dịch vụ Cửa hàng xăng dầu từ Trung tâm Khai thác sang Phòng Kinh doanh	100%
22	22/2020/NQ-CCR.HĐQT	15/06/2020	NQ HĐQT Về công tác cán bộ và các đề xuất, kiến nghị về công tác SXKD 6 tháng cuối năm 2020 của Công ty con (Công ty CP Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh)	100%

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
23	23/2020/NQ-CCR.HĐQT	07/09/2020	NQ HĐQT về việc (Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 7 tháng đầu năm 2020; dự kiến số liệu sản xuất kinh doanh cả năm 2020; Thông qua Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 (đã được soát xét); Phê duyệt Nhiệm vụ, dự toán chi phí khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho một số gói thầu thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị dự án của Dự án đầu tư xây dựng nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi; thông qua việc giao dịch với Ban Quản lý dự án chuyên ngành hàng hải-Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam; ban hành Quy chế tổ chức quản lý, điều hành của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh; Thống nhất chủ trương đầu tư thiết bị Hệ thống băng tải dầm gỗ	100%
24	24/2020/NQ-CCR.HĐQT	07/09/2020	NQ HĐQT về việc giao dịch với bên có liên quan (Ban QL DA chuyên ngành hàng hải TCTHVN)- quản lý dự án nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư	100%
25	25/2020/NQ-CCR.HĐQT	22/09/2020	NQ HĐQT về việc thành lập Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình Bến số 2-Cảng Ba Ngòi	100%
26	26/2020/NQ-CCR.HĐQT	22/09/2020	NQ HĐQT về chủ trương cho thuê mái kho lắp đặt điện mặt trời nổi lưới Cảng Cam Ranh với thời hạn thuê 7 năm	100%
27	27/2020/NQ-CCR.HĐQT	27/11/2020	NQ HĐQT Quý 4.2020 (Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương; Quy chế Chi tiêu nội bộ; thông qua các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh, đầu tư năm 2021 (tạm thời) của Công ty; chủ trương đầu tư thiết bị hệ thống băng tải làm hàng dầm gỗ theo hình thức hợp tác đầu tư; chủ trương đầu tư Dự án nâng cấp Bãi số 4 - KBII với diện tích 0,945 ha; chủ trương đầu tư san lấp tạo Bãi số 5- KBII (2ha) và kè chắn xếp đá khan không chít mạch; giao cho Tổng giám đốc chuẩn bị và hoàn thiện các thủ tục niêm yết cổ phiếu của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (CCR) trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) sau khi phát hành Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán)	100%
28	28/2020/NQ-CCR.HĐQT	23/12/2020	NQ HĐQT phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án đầu tư Bến số 2 Cảng Ba Ngòi	100%
29	29/2020/NQ-CCR.HĐQT	28/12/2020	NQ HĐQT về việc ban hành biểu giá 6 tháng đầu năm 2021 và chấp thuận đề TGD bổ nhiệm bà Trịnh Thị Phúc Hạnh giữ chức Trưởng phòng TCHC	100%

## Quyết định

TT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2020/QĐ-CCR.HĐQT	30/01/2020	Quyết định về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 và trích lập Quỹ dự phòng tiền lương của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	100%
2	02/2020/QĐ-CCR.HĐQT	02/03/2020	Quyết định về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty Nguyễn Thị Thu Thủy	100%
3	03/2020/QĐ-CCR.HĐQT	10/03/2020	Quyết định phê duyệt BSC-KPI năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	100%
4	04/2020/QĐ-CCR.HĐQT	10/03/2020	Quyết định về việc thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và nhiệm kỳ 2020-2025 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	100%
5	05/2020/QĐ-CCR.HĐQT	27/04/2020	Quyết định về việc phê duyệt quỹ tiền lương KH năm 2020 của Cảng Cam Ranh	100%
6	06/2020/QĐ-CCR.HĐQT	12/05/2020	Quyết định về việc cử người đại diện phần vốn của Cảng Cam Ranh tại CMS (Ông Nguyễn Văn Thắng)	100%
7	07/2020/QĐ-CCR.HĐQT	12/05/2020	Quyết định về việc cử người đại diện phần vốn của Cảng Cam Ranh tại CMS (Ông Trịnh Thanh Tùng)	100%
8	08/2020/QĐ-CCR.HĐQT	12/05/2020	Quyết định về việc thôi cử người đại diện phần vốn của Cảng Cam Ranh tại CMS (Ông Trương Văn Hoà)	100%
9	09/2020/QĐ-CCR.HĐQT	01/06/2020	Quyết định về việc miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT NK 2015-2020 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (Nguyễn Viết Nhân)	100%
10	10/2020/QĐ-CCR.HĐQT	01/06/2020	Quyết định về việc miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (Phạm Hữu Tấn)	100%

TT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
11	11/2020/QĐ-CCR.HĐQT	01/06/2020	Quyết định chuẩn y chức danh Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (Phạm Hữu Tấn)	100%
12	12/2020/QĐ-CCR.HĐQT	01/06/2020	Quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (Nguyễn Viết Nhâm)	100%
13	13/2020/QĐ-CCR.HĐQT	01/06/2020	Quyết định về việc thay đổi Người đại diện theo Pháp Luật (Thay Phạm Hữu Tấn thành Nguyễn Viết Nhâm)	100%
14	14/2020/QĐ-CCR.HĐQT	01/06/2020	Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung Hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương của Công ty	100%
15	15/2020/QĐ-CCR.HĐQT	01/06/2020	Quyết định về việc chuyển xếp lương thực hiện chế độ chính sách CTHĐQT (Phạm Hữu Tấn)	100%
16	16/2020/QĐ-CCR.HĐQT	01/06/2020	Quyết định về việc chuyển xếp lương thực hiện chế độ chính sách TGD (Nguyễn Viết Nhâm)	100%
17	17/2020/QĐ-CCR.HĐQT	15/06/2020	Quyết định chuẩn y HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020-2025	100%
18	18/2020/QĐ-CCR.HĐQT	15/06/2020	Quyết định chuẩn y BKS Công ty nhiệm kỳ 2020-2025	100%
19	19/2020/QĐ-CCR.HĐQT	15/06/2020	Quyết định chi thưởng Ban quản lý điều hành Công ty năm 2019	100%
20	20/2020/QĐ-CCR.HĐQT	15/06/2020	Quyết định về việc chi trả cổ tức năm 2019	100%
21	21/2020/QĐ-CCR.HĐQT	15/06/2020	Quyết định về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020	100%
22	22/2020/QĐ-CCR.HĐQT	15/06/2020	Quyết định về việc phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh năm	100%
23	23/2020/QĐ-CCR.HĐQT	14/07/2020	Quyết định về việc thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh năm	100%
24	24/2020/QĐ-CCR.HĐQT	14/07/2020	Quyết định về việc thành lập phòng Pháp chế-An ninh thuộc Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	100%
25	25/2020/QĐ-CCR.HĐQT	14/07/2020	Quyết định về việc thành lập Hội đồng lương Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh năm	100%

<b>TT</b>	<b>Số Quyết định</b>	<b>Ngày</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Tỷ lệ thông qua</b>
26	26/2020/QĐ-CCR.HĐQT	14/07/2020	Quyết định về việc thành lập Hội đồng Đối mới sáng tạo Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh năm	100%
27	27/2020/QĐ-CCR.HĐQT	28/07/2020	Quyết định HĐQT về việc thành lập Tổ thẩm định Dự án đầu tư xây dựng nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi	100%
28	28/2020/QĐ-CCR.HĐQT	07/08/2020	QĐ HĐQT về việc chuyển chức năng tổ chức quản lý, khai thác dịch vụ Cửa hàng xăng dầu từ Trung tâm Khai thác sang Phòng Kinh doanh	100%
29	29/2020/QĐ-CCR.HĐQT	07/09/2020	QĐ HĐQT Về việc phê duyệt Nhiệm vụ, dự toán chi phí khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho một số gói thầu thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị dự án	100%
30	30/2020/QĐ-CCR.HĐQT	07/09/2020	QĐ HĐQT Về việc ban hành Quy chế Tổ chức, quản lý điều hành Công ty CP Cảng Cam Ranh	100%
31	31/2020/QĐ-CCR.HĐQT	22/09/2020	QĐ HĐQT Về việc thành lập Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình Bến số 2 - Cảng Ba Ngòi	100%
32	32/2020/QĐ-CCR.HĐQT	19/10/2020	QĐ Thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Công ty	100%
33	33/2020/QĐ-CCR.HĐQT	19/10/2020	QĐ Thành lập Hội đồng lương Công ty	100%
34	34/2020/QĐ-CCR.HĐQT	19/10/2020	QĐ Thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Công ty	100%
35	35/2020/QĐ-CCR.HĐQT	19/10/2020	QĐ Thành lập Ban chỉ đạo Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí Công ty	100%
36	36/2020/QĐ-CCR.HĐQT	27/11/2020	QĐ ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Công ty	100%
37	37/2020/QĐ-CCR.HĐQT	23/12/2020	QĐ phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án đầu tư Bến số 2 Cảng Ba Ngòi	100%

## BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát (BKS) Công ty có ba (03) thành viên được ĐHĐCĐ bầu chọn, hoạt động với nhiệm kỳ năm (05) năm. BKS Công ty có một (01) Trưởng ban và hai (02) thành viên.

TT	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Dương Thị Hồng Hạnh	2/2	100%	100%
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa	2/2	100%	100%
3	Bà Dương Thị Thanh Mai	2/2	100%	100%

### Hoạt động với Hội đồng quản trị

BKS đã chủ động trao đổi, thống nhất với Hội đồng quản trị về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát; phối hợp với Ban điều hành trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát.

HĐQT đã cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, quyết định của HĐQT cho BKS. Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

HĐQT, BKS, Ban điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

HĐQT, BKS, Ban điều hành và các cổ đông luôn có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý doanh nghiệp để hoạt động luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và đạt hiệu quả cao nhất.

### Hoạt động với Ban Tổng giám đốc

Năm 2020, BKS phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

BKS đã tham dự đủ các cuộc họp định kỳ được tổ chức họp trực tiếp của HĐQT và theo yêu cầu, nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thường niên quyết định và kiến nghị thực hiện những thay đổi cần thiết để góp phần tăng cường hiệu quả quản lý, điều hành công ty.

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh so với kế hoạch được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2020;

Thẩm định Báo cáo tài chính định kỳ hàng quý và năm 2020; thực hiện rà soát phân tích thông tin, số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty.



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Công ty không có các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và không có hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ.

TT	Họ và tên	Lương	Thu nhập khác	Cho Công ty vay	Vay của Công ty
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>1.132.681.981</b>	<b>481.701.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Phạm Hữu Tấn	566.094.689	132.768.500	0	0
2	Nguyễn Viết Nhâm	566.587.292	111.608.500	0	0
3	Nguyễn Văn Tài	0	79.108.000	0	0
4	Nguyễn Đăng Song	0	79.108.000	0	0
5	Hoàng Quốc Phương	0	79.108.000	0	0
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>475.794.699</b>	<b>189.910.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Dương Thị Hồng Hạnh	0	75.219.000	0	0
2	Nguyễn Thị Ngọc Hoà	202.466.330	55.223.500	0	0
3	Dương Thị Thanh Mai	273.328.369	59.467.500	0	0
<b>III</b>	<b>Ban điều hành</b>	<b>2.017.037.286</b>	<b>320.669.149</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Nguyễn Viết Nhâm	566.587.292	111.608.500	0	0
2	Nguyễn Văn Thắng	510.406.133	62.642.500	0	0
3	Nguyễn Thị Thu Thủy	456.950.600	68.776.649	0	0
4	Nguyễn Huy Phương	483.093.261	77.641.500	0	0

## SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

HĐQT và BKS cử người tham dự đầy đủ các buổi họp giao ban của Công ty để nắm bắt kết quả xử lý công việc của từng đơn vị cũng như trực tiếp có ý kiến chỉ đạo, góp ý để kịp thời giải quyết những phát sinh, vướng mắc trong quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc.

Việc cung cấp thông tin và báo cáo cho HĐQT, BKS được thực hiện thường xuyên và đầy đủ bằng văn bản, điện thoại, email về tình hình hoạt động của Công ty để phục vụ kịp thời cho công việc giám sát của HĐQT, BKS đối với Tổng giám đốc.





# BÁO CÁO TÀI CHÍNH



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)



## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 38
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 38

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cam Ranh - Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 38/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 06 năm 2015 để chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH một thành viên sang Công ty cổ phần. Công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 4 ngày 03/06/2020 để thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hữu Tấn	Chủ tịch	(Bổ nhiệm Chủ tịch ngày 01/06/2020)
Ông Nguyễn Việt Nhâm	Thành viên	(Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch, bổ nhiệm Thành viên từ ngày 01/06/2020)
Ông Nguyễn Đăng Song	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên	
Ông Hoàng Quốc Phương	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Việt Nhâm	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/06/2020)
Ông Phạm Hữu Tấn	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/06/2020)
Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 02/03/2020)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Thành viên
Bà Dương Thị Thanh Mai	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

## Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

29 Nguyễn Trọng Kỳ, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



The image shows a handwritten signature in blue ink over a red circular stamp. The stamp contains the text: "M.S.D. 200272350", "CÔNG TY CỔ PHẦN", "CẢNG", "CAM RANH", and "TP. CAM RANH - T. KHÁNH HÒA".

Nguyễn Việt Nhâm

Tổng Giám đốc

Cam Ranh, ngày 22 tháng 02 năm 2021



**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 20/02/2020.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Đỗ Thị Ngọc Dung**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2021

**Nguyễn Duy Quảng**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3363-2020-002-1

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh được lập ngày 22 tháng 02 năm 2021, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>26.116.084.860</b>	<b>48.148.923.193</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>15.630.997.417</b>	<b>35.751.336.394</b>
111	1. Tiền		5.351.016.091	9.629.766.002
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.279.981.326	26.121.570.392
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>9.633.213.861</b>	<b>11.285.242.175</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	9.258.110.018	11.543.351.921
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	748.525.000	224.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	551.984.886	500.296.297
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(925.406.043)	(982.406.043)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>729.284.591</b>	<b>1.012.257.242</b>
141	1. Hàng tồn kho		729.284.591	1.012.257.242
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>122.588.991</b>	<b>100.087.382</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	122.588.991	100.087.382
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>296.524.337.998</b>	<b>311.872.794.649</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>659.700.000</b>	<b>891.300.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	659.700.000	891.300.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>294.036.366.850</b>	<b>308.978.495.661</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	293.865.165.237	308.978.495.661
222	- Nguyên giá		524.917.023.753	521.211.969.870
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(231.051.858.516)	(212.233.474.209)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	171.201.613	-
228	- Nguyên giá		195.000.000	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.798.387)	-
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>225.766.363</b>	<b>-</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	225.766.363	-
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>1.170.000.000</b>	<b>1.170.000.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.170.000.000	1.170.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>432.504.785</b>	<b>832.998.988</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	423.518.357	386.525.174
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30	8.986.428	446.473.814
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>322.640.422.858</b>	<b>360.021.717.842</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

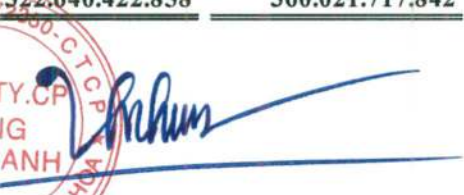
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>42.073.440.115</b>	<b>84.488.747.734</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>24.693.240.115</b>	<b>30.700.147.734</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	2.311.667.000	1.554.379.950
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	1.285.349.005	15.778.553
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	865.148.621	915.323.038
314	4. Phải trả người lao động		8.522.227.049	13.471.570.997
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		169.525.000	120.000.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	2.408.400.000	2.408.400.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	360.000.000	315.000.000
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	8.000.000.000	8.000.000.000
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	-	2.000.000.000
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		770.923.440	1.899.695.196
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>17.380.200.000</b>	<b>53.788.600.000</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18	5.380.200.000	7.788.600.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	12.000.000.000	46.000.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>280.566.982.743</b>	<b>275.532.970.108</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>280.566.982.743</b>	<b>275.532.970.108</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		245.018.170.000	245.018.170.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		245.018.170.000	245.018.170.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		275.419.340	275.419.340
415	3. Cổ phiếu quỹ		(482.000.000)	(482.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		4.545.665.954	2.737.835.099
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		26.899.244.083	23.736.664.925
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.484.842.378	1.641.960.025
421b	LNST chưa phân phối năm nay		23.414.401.705	22.094.704.900
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		4.310.483.366	4.246.880.744
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>322.640.422.858</b>	<b>360.021.717.842</b>



Nguyễn Hồ Tú Anh  
Người lập biểu



Nguyễn Huy Phương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Nhâm  
Tổng Giám đốc

Cam Ranh, ngày 22 tháng 02 năm 2021

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	138.417.257.698	159.872.648.275
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		138.417.257.698	159.872.648.275
11	3. Giá vốn hàng bán	24	84.323.116.696	95.571.795.421
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		54.094.141.002	64.300.852.854
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	25	1.067.633.551	2.050.184.672
22	6. Chi phí tài chính	26	3.882.394.645	7.023.386.198
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		3.881.472.222	7.019.369.445
25	7. Chi phí bán hàng	27	262.606.008	527.474.007
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	22.958.446.886	28.682.863.083
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		28.058.327.014	30.117.314.238
31	10. Thu nhập khác		221.602.383	683.340.700
32	11. Chi phí khác		19.253.864	909.103.941
40	12. Lợi nhuận khác		202.348.519	(225.763.241)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		28.260.675.533	29.891.550.997
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	3.997.524.799	6.924.714.255
52	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	30	437.487.386	482.857.259
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>23.825.663.348</u>	<u>22.483.979.483</u>
61	17. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		23.414.401.705	22.094.704.900
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		411.261.643	389.274.583
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	958	904

Nguyễn Hồ Tú Anh  
Người lập biểu

Nguyễn Huy Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Nhâm  
Tổng Giám đốc

Cam Ranh, ngày 22 tháng 02 năm 2021

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>28.260.675.533</b>	<b>29.891.550.997</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>20.188.056.870</b>	<b>23.253.883.441</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		19.633.897.059	18.586.645.241
03	- Các khoản dự phòng		(2.057.000.000)	5.468.800
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		922.423	4.016.753
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.271.234.834)	(2.361.616.798)
06	- Chi phí lãi vay		3.881.472.222	7.019.369.445
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>48.448.732.403</b>	<b>53.145.434.438</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.452.364.196	4.565.062.559
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		282.972.651	38.459.480
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(7.171.583.376)	(2.827.618.278)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(59.494.792)	(342.784.476)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.881.472.222)	(7.019.369.445)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.705.665.286)	(8.513.822.028)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.751.154.619)	(2.527.160.281)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>32.614.698.955</b>	<b>36.518.201.969</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(4.355.654.419)	(15.644.534.693)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		630.909.091	702.727.272
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	500.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.159.897.669	2.048.541.772
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(2.564.847.659)</b>	<b>(12.393.265.649)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(34.000.000.000)	(24.000.000.000)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(16.169.267.850)	(10.193.072.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(50.169.267.850)</b>	<b>(34.193.072.000)</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(20.119.416.554)	(10.068.135.680)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		35.751.336.394	45.823.488.827
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(922.423)	(4.016.753)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>15.630.997.417</u>	<u>35.751.336.394</u>

Nguyễn Hồ Tú Anh  
Người lập biểu

Nguyễn Huy Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Viết Nhâm  
Tổng Giám đốc

Cam Ranh, ngày 22 tháng 02 năm 2021

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cam Ranh - Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 38/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 06 năm 2015 để chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH một thành viên sang Công ty cổ phần. Công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 4 ngày 03/06/2020 để thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Vốn điều lệ của Công ty là 245.018.170.000 VND, tương đương 24.501.817 cổ phần. Mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 204 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 203 người). Trong đó, tổng số nhân viên của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 186 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 185 người); tổng số nhân viên của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 18 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 18 người)

Lĩnh vực kinh doanh: Khai thác cảng biển.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh dịch vụ Logistics;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa, đường bộ khác, ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, ven biển và viễn dương, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ khai thuế hải quan.

#### Cấu trúc tập đoàn

Công ty có 01 công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	29 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	51%	51%	Bốc xếp hàng hóa, kinh doanh kho bãi, dịch vụ vận chuyển hàng hóa, cho thuê xe có động cơ, cung ứng lao động tạm thời, dịch vụ hàng hải, cung cấp dịch vụ neo đậu tàu.



## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

#### *Lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

### 2.4. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## 2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.7. Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

## 2.8. Các khoản đầu tư tài chính

*Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là:* khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.9. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.11. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 39 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 13 năm
- Phương tiện vận tải	02 - 09 năm
- Thiết bị văn phòng	02 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

## 2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí xây lắp, chi phí thiết bị, chi phí tư vấn quản lý dự án, chi phí mua, ... được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

## 2.13. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

#### 2.14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

##### Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh hợp nhất của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào BCC và không chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành sở hữu chung của các bên thì bên nhận tài sản theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh; Bên góp tài sản không ghi giảm tài sản trên sổ kế toán mà chỉ theo dõi chi tiết địa điểm, vị trí, nơi đặt tài sản.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn có sự chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành quyền sở hữu chung, trong quá trình đang xây dựng tài sản đồng kiểm soát, bên mang tài sản đi góp phải ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia, các bên ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản được chia so với chi phí đầu tư xây dựng đã bỏ ra được Công ty ghi nhận là thu nhập khác (nếu lãi) hoặc chi phí khác (nếu lỗ).

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

#### 2.15. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là giá trị thương hiệu được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm.

#### 2.16. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### 2.17. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

### 2.18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

### 2.19. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 2.20. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

### 2.21. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

### 2.22. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.23. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 2.24. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### 2.25. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là Chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### 2.26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

##### a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

##### b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

##### c) Chính sách ưu đãi thuế

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, Công ty được hưởng mức giảm trừ 30% số thuế TNDN phải nộp theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020 áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu không quá 200 tỷ đồng.

##### d) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

#### 2.27. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.28. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty tập trung vào lĩnh vực khai thác cảng biển chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	432.412.268	2.625.802.305
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.918.603.823	7.003.963.697
Các khoản tương đương tiền (*)	10.279.981.326	26.121.570.392
	<b>15.630.997.417</b>	<b>35.751.336.394</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 10.279.981.326 VND được gửi tại các Ngân hàng thương mại: Ngân hàng TMCP An Bình - Phòng giao dịch Cam Ranh, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Cam Ranh và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Phòng giao dịch Cam Ranh với lãi suất từ 4,0%/năm đến 4,25%/năm.

## 4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH Đá Hóa An 1	2.466.050.280	-	2.823.235.150	-
- Công ty TNHH Thương mại và vận tải Minh Hoàng	-	-	3.722.638.882	-
- Công ty Cổ Phần Đồng Nai (CODONA)	996.091.360	-	15.400.000	-
- Các đối tượng khác	5.795.968.378	(925.406.043)	4.982.077.889	(982.406.043)
	<b>9.258.110.018</b>	<b>(925.406.043)</b>	<b>11.543.351.921</b>	<b>(982.406.043)</b>



5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải	326.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ Phần Đầu tư công nghệ INTECOM	200.000.000	-	-	-
- Ban quản lý dự án chuyên ngành Hàng hải VIMC	78.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	144.525.000	-	224.000.000	-
	<b>748.525.000</b>	<b>-</b>	<b>224.000.000</b>	<b>-</b>
<b>b) Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>404.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Bảo hiểm xã hội	94.366.420	-	88.363.135	-
Bảo hiểm y tế	20.406.890	-	17.913.985	-
Bảo hiểm thất nghiệp	18.874.920	-	17.521.710	-
Phải thu về tạm ứng	350.000.000	-	123.600.000	-
Phải thu khác	68.336.656	-	252.897.467	-
- Dự thu lãi tiền gửi	12.218.086	-	104.482.204	-
- Phải thu các đối tượng khác	56.118.570	-	148.415.263	-
	<b>551.984.886</b>	<b>-</b>	<b>500.296.297</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	100.000.000	-
Tiền giải phóng mặt bằng khu hành chính được phép khấu trừ vào tiền thuê đất (*)	559.700.000	-	791.300.000	-
	<b>659.700.000</b>	<b>-</b>	<b>891.300.000</b>	<b>-</b>

(\*) Căn cứ theo Công văn số 3554/CT-QLĐ ngày 20/08/2013 của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa, Công ty được khấu trừ tiền đền bù giải phóng mặt bằng thuộc dự án “Xây dựng khu hành chính Cảng Ba Ngòi” đã chi trả với tiền thuê đất hàng năm phải nộp trong thời gian 04 năm 03 tháng tính từ thời điểm hết thời hạn được miễn tiền thuê đất là ngày 24/02/2019.

## 7. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa	400.802.124	-	457.802.124	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới	113.319.150	-	113.319.150	-
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hải Gia	99.453.843	-	99.453.843	-
Các đối tượng khác	313.446.926	1.616.000	313.446.926	1.616.000
	<b>927.022.043</b>	<b>1.616.000</b>	<b>984.022.043</b>	<b>1.616.000</b>

## 8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	209.426.214	-	161.626.172	-
Công cụ, dụng cụ	230.400.275	-	255.128.540	-
Hàng hoá	289.458.102	-	595.502.530	-
	<b>729.284.591</b>	<b>-</b>	<b>1.012.257.242</b>	<b>-</b>

## 9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí bảo hiểm hàng năm của tài sản	103.174.077	100.087.382
- Các khoản khác	19.414.914	-
	<b>122.588.991</b>	<b>100.087.382</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Giá trị lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	45.162.436	55.199.236
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	331.325.938
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	378.355.921	-
	<b>423.518.357</b>	<b>386.525.174</b>

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Nguyên giá</b>									
Số dư đầu năm	466.766.138.599	34.517.358.936	18.759.271.121	1.169.201.214	521.211.969.870				
- Mua trong năm	-	1.655.697.624	610.227.273	166.363.636	2.432.288.533				
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.577.443.636	-	115.252.978	799.090.909	2.491.787.523				
- Thanh lý, nhượng bán	-	(363.636.364)	(745.836.364)	(109.549.445)	(1.219.022.173)				
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>468.343.582.235</b>	<b>35.809.420.196</b>	<b>18.738.915.008</b>	<b>2.025.106.314</b>	<b>524.917.023.753</b>				
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>									
Số dư đầu năm	180.616.336.112	18.400.777.091	12.184.919.953	1.031.441.053	212.233.474.209				
- Khấu hao trong năm	15.477.663.454	2.501.346.880	1.514.859.697	116.228.641	19.610.098.672				
- Thanh lý, nhượng bán	-	(363.636.364)	(318.528.556)	(109.549.445)	(791.714.365)				
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>196.093.999.566</b>	<b>20.538.487.607</b>	<b>13.381.251.094</b>	<b>1.038.120.249</b>	<b>231.051.858.516</b>				
<b>Giá trị còn lại</b>									
Tại ngày đầu năm	286.149.802.487	16.116.581.845	6.574.351.168	137.760.161	308.978.495.661				
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>272.249.582.669</b>	<b>15.270.932.589</b>	<b>5.357.663.914</b>	<b>986.986.065</b>	<b>293.865.165.237</b>				

(\*) Trong đó, bao gồm thiết bị “Cầu bờ di động nhãn hiệu Gottward - Model HMK 280 (đã qua sử dụng)” là tài sản được hình thành từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) với Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng theo hình thức tài sản đồng kiểm soát. Công ty góp 40% giá trị tài sản bằng tiền tương ứng 7.000.000.000 VND, Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng góp 60% giá trị tài sản tương ứng 10.500.000.000 VND. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh thu và chi phí tương ứng với tỷ lệ góp vốn. Nguyên giá của Tài sản cố định trên được ghi nhận tương ứng với phần vốn đã góp bằng tiền của Công ty là 7.000.000.000 VND, hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2020 là: 2.345.486.122 VND.

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 231.778.562.821 VND;

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.651.815.016 VND.

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm kế toán	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
- Mua trong năm	195.000.000	195.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>195.000.000</b>	<b>195.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
- Khấu hao trong năm	23.798.387	23.798.387
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>23.798.387</b>	<b>23.798.387</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>171.201.613</b>	<b>171.201.613</b>

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	225.766.363	-
- Dự án đầu tư nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi <sup>(*)</sup>	225.766.363	-
	<b>225.766.363</b>	<b>-</b>

(\*) Dự án “Đầu tư nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi” với các thông tin cơ bản như sau:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 58.049.378.000 VND;
- Địa điểm thực hiện: Cảng Ba Ngòi, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa;
- Mục tiêu đầu tư: Nâng cao khả năng vận tải hàng hóa từ cầu cảng tới kho bãi và ngược lại; tiếp nhận tàu tổng hợp trọng tải đến 50.000 DWT đầy tải, tàu 70.000 DWT giảm tải, tàu khách 70.000 GT;
- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư: Vốn của chủ sở hữu là Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh chiếm khoảng 70%, vốn vay thương mại chiếm khoảng 30% tổng vốn đầu tư của dự án;
- Thời gian thực hiện đầu tư: Từ tháng 12/2019 đến tháng 12/2022;
- Tại thời điểm 31/12/2020, dự án hiện đang trong giai đoạn thực hiện các thủ tục pháp lý để phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

### 13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	1.170.000.000	-	1.170.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	1.170.000.000	-	1.170.000.000	-
	<b>1.170.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.170.000.000</b>	<b>-</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	Cam Ranh	6,50%	6,50%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng

### 14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH Đông Đô	1.090.188.000	1.090.188.000	467.500.000	467.500.000
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Hàng hải	246.000.000	246.000.000	-	-
- Công ty TNHH Quang Vinh Cam Ranh	257.000.000	257.000.000	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	718.479.000	718.479.000	1.086.879.950	1.086.879.950
	<b>2.311.667.000</b>	<b>2.311.667.000</b>	<b>1.554.379.950</b>	<b>1.554.379.950</b>
<b>c) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>246.000.000</b>	<b>246.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phúc Đạt	12.318.380	12.318.380
- Công ty TNHH Thủy sản Hải Long Nha Trang	132.825.000	-
- Công ty Cổ phần Vịnh Nha Trang	208.725.000	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Miền Trung tại Quy Nhơn(Viconship Quinhon)	183.696.768	-
- Công ty TNHH Tagi Logistics	500.000.000	-
- Các đối tượng khác	247.783.857	3.460.173
	<b>1.285.349.005</b>	<b>15.778.553</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	127.145.472	7.195.653.014	7.187.600.140	-	135.198.346
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	284.129.498	3.997.524.799	3.705.665.286	-	575.989.011
Thuế thu nhập cá nhân	-	504.048.068	764.399.258	1.114.486.062	-	153.961.264
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	2.634.524.183	2.634.524.183	-	-
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	8.130.808	8.130.808	-	-
	-	<b>915.323.038</b>	<b>14.607.232.062</b>	<b>14.657.406.479</b>	-	<b>865.148.621</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17. VAY**

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- <b>Nợ dài hạn tới hạn trả</b>						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang <sup>(*)</sup>	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
	<b>8.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang <sup>(*)</sup>	54.000.000.000	54.000.000.000	-	34.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
	<b>54.000.000.000</b>	<b>54.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>34.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
<b>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</b>	<b>46.000.000.000</b>	<b>46.000.000.000</b>			<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>

(\*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang theo Hợp đồng tín dụng số 53815/DTDA/TD ngày 25 tháng 12 năm 2015 để đầu tư dự án xây dựng bến số 2 - Cảng Cam Ranh tại phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh với các điều khoản như sau:

- Hạn mức tín dụng: 100 tỷ VND;
- Thời hạn cho vay: 12 năm;
- Kỳ hạn thanh toán cuối cùng: Năm 2027;
- Lãi suất bình quân: 9,5%/năm;
- Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay.



18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Doanh thu nhận trước từ cho thuê kho bãi	2.408.400.000	2.408.400.000
	<b>2.408.400.000</b>	<b>2.408.400.000</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Doanh thu nhận trước từ cho thuê kho bãi	5.380.200.000	7.788.600.000
	<b>5.380.200.000</b>	<b>7.788.600.000</b>

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược	350.000.000	305.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.000.000	10.000.000
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
	<b>360.000.000</b>	<b>315.000.000</b>

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định	-	2.000.000.000
	<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>245.018.170.000</b>	-	-	<b>(482.000.000)</b>	<b>2.477.231.411</b>	<b>15.576.661.228</b>	<b>4.375.493.093</b>	<b>266.965.555.732</b>	<b>22.094.704.900</b>	<b>389.274.583</b>	<b>22.483.979.483</b>	<b>275.419.340</b>	<b>266.965.555.732</b>	
Lãi trong năm trước	-	-	275.419.340	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	22.483.979.483
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	275.419.340
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	536.023.028	(3.617.206.175)	(106.286.932)	(3.187.470.079)	-	-	-	-	(3.187.470.079)	-
Trích lập quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(536.023.028)	-	(536.023.028)	-	-	-	-	(536.023.028)	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	(9.781.446.800)	(411.600.000)	(10.193.046.800)	-	-	-	-	(10.193.046.800)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(275.419.340)
Giảm khác	-	-	-	-	(275.419.340)	-	-	-	-	-	-	-	(275.419.340)	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>275.419.340</b>	<b>(482.000.000)</b>	<b>2.737.835.099</b>	<b>23.736.690.125</b>	<b>4.246.880.744</b>	<b>275.532.995.308</b>	<b>23.736.664.925</b>	<b>23.414.401.705</b>	<b>411.261.643</b>	<b>23.825.663.348</b>	<b>275.532.970.108</b>	<b>275.532.970.108</b>	
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>245.018.170.000</b>	-	-	<b>(482.000.000)</b>	<b>2.737.835.099</b>	<b>23.736.664.925</b>	<b>4.246.880.744</b>	<b>23.736.664.925</b>	<b>23.414.401.705</b>	<b>411.261.643</b>	<b>23.825.663.348</b>	<b>275.532.970.108</b>	<b>275.532.970.108</b>	
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	23.825.663.348
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.290.599.422)	(79.033.441)	(2.369.632.863)	-	-	-	-	(2.369.632.863)	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	1.807.804.711	(1.807.804.711)	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(252.750.000)	-	(252.750.000)	-	-	-	-	(252.750.000)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(15.894.851.050)	(274.416.800)	(16.169.267.850)	-	-	-	-	(16.169.267.850)	-
Tăng giảm khác	-	-	-	-	26.144	(5.817.364)	5.791.220	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>275.419.340</b>	<b>(482.000.000)</b>	<b>4.545.665.954</b>	<b>26.899.244.083</b>	<b>4.310.483.366</b>	<b>280.566.982.743</b>	<b>26.899.244.083</b>	<b>23.414.401.705</b>	<b>411.261.643</b>	<b>23.825.663.348</b>	<b>275.532.970.108</b>	<b>275.532.970.108</b>	

Theo các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại Công ty mẹ và Công ty con, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận như sau:

	Tại Công ty mẹ	Tại Công ty con	Cộng
	VND	VND	VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	1.766.680.000	80.641.432	1.847.321.432
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	2.208.350.000	161.282.864	2.369.632.864
Chi thường ban Quản lý điều hành	252.750.000	-	252.750.000
Chi trả cổ tức bằng tiền mặt	15.894.851.050	560.000.000	16.454.851.050

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2020	Tỷ lệ	01/01/2020	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	198.230.150.000	80,90%	198.230.150.000	80,90%
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	34.971.020.000	14,28%	34.971.020.000	14,28%
Các cổ đông khác	11.817.000.000	4,82%	11.817.000.000	4,82%
<b>Cộng</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>100%</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	245.018.170.000	245.018.170.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	245.018.170.000	245.018.170.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia tại Công ty mẹ		
- Cổ tức lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức lợi nhuận phải trả trong năm	15.894.851.050	9.781.446.800
+ <i>Cổ tức lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	15.894.851.050	9.781.446.800
- Cổ tức lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	15.894.851.050	9.781.446.800
+ <i>Cổ tức lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	15.894.851.050	9.781.446.800
- Số dư cuối năm	-	-

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.501.817	24.501.817
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.501.817	24.501.817
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.501.817	24.501.817
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(48.200)	(48.200)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(48.200)	(48.200)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.453.617	24.453.617
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.453.617	24.453.617

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	4.545.665.954	2.737.835.099
	<b>4.545.665.954</b>	<b>2.737.835.099</b>

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

STT	Số hợp đồng	Địa điểm	Diện tích (m2)	Mục đích	Thời hạn
1.	42/2007/HĐTĐ ngày 14/07/2007	Khu vực bãi bồi, Cảng Ba Ngòi, phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	25.000,0	Xây dựng nhà máy chế biến dăm gỗ xuất khẩu	Đến ngày 09/04/2027
2.	86/2010/HĐTĐ ngày 21/09/2010	Phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	11.470,8	Xây dựng khu hành chính cảng Cam Ranh	Đến ngày 04/06/2039
3.	18/2011/HĐTĐ ngày 24/03/2011	Đường Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	68.600,0	Xây dựng khu kho bãi và dịch vụ hậu cần cảng	Đến ngày 30/10/2027
4.	58/2013/HĐTĐ ngày 16/09/2013	Phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	90.000,0	Xây dựng Kho bãi phía Tây Cảng Cam Ranh	Đến ngày 27/10/2051
5.	87/2014/HĐTĐ ngày 29/08/2014	Phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	49.037,7	Thực hiện dự án Bến số 2 - Cảng Ba Ngòi	Đến ngày 09/04/2054
6.	84/2018/HĐTĐ ngày 22/06/2018	29 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	8.255,5	Xây dựng khu hành chính trung tâm (đất thương mại, dịch vụ)	Đến ngày 30/10/2058

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra công ty đang quản lý và sử dụng lô đất trên đường Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, Thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, có diện tích 797,5 m<sup>2</sup>, với mục đích xây dựng trung tâm dịch vụ Hàng hải. Lô đất này hiện chưa ký hợp đồng thuê đất do UBND tỉnh yêu cầu lập dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch để UBND tỉnh có cơ sở xem xét việc giao đất và cho thuê đất theo quy định.

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
USD	20.279,62	80.292,82

**23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	16.435.938.855	30.956.175.401
Doanh thu cung cấp dịch vụ	121.981.318.843	128.916.472.874
	<b>138.417.257.698</b>	<b>159.872.648.275</b>
<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)</i>	<b>6.012.660.540</b>	<b>5.688.736.466</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	14.983.182.262	24.530.323.980
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	69.339.934.434	71.041.471.441
	<b>84.323.116.696</b>	<b>95.571.795.421</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	944.783.551	1.657.184.672
Cổ tức, lợi nhuận được chia	122.850.000	351.000.000
Lãi từ bán các khoản đầu tư	-	42.000.000
	<b>1.067.633.551</b>	<b>2.050.184.672</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.881.472.222	7.019.369.445
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	922.423	4.016.753
	<b>3.882.394.645</b>	<b>7.023.386.198</b>

## 27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	205.800.000	381.200.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.537.644	49.537.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.268.364	96.736.363
	<b>262.606.008</b>	<b>527.474.007</b>

## 28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	477.579.800	580.680.229
Chi phí nhân công	13.923.792.445	18.178.574.186
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	76.319.817	85.636.127
Chi phí khấu hao tài sản cố định	904.750.546	928.810.175
Thuế, phí và lệ phí	273.055.752	418.101.974
Chi phí dự phòng	(57.000.000)	5.468.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.051.728.352	7.010.025.273
Chi phí khác bằng tiền	1.308.220.174	1.475.566.319
	<b>22.958.446.886</b>	<b>28.682.863.083</b>

## 29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
- Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	3.828.311.487	6.744.388.431
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hải cảng Cam Ranh	169.213.312	180.325.824
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<b>3.997.524.799</b>	<b>6.924.714.255</b>

### 30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

#### a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	8.986.428	446.473.814
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>8.986.428</b>	<b>446.473.814</b>

#### b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	437.487.386	482.857.259
	<b>437.487.386</b>	<b>482.857.259</b>

### 31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	23.414.401.705	22.094.704.900
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	23.414.401.705	22.094.704.900
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	24.453.617	24.453.617
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>958</b>	<b>904</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.838.163.978	4.901.392.650
Chi phí nhân công	36.585.669.271	52.249.771.753
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	357.021.037	249.688.191
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.633.897.059	18.586.645.241
Thuế, phí và lệ phí	2.514.279.935	422.801.974
Chi phí dự phòng	(57.000.000)	5.468.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.767.964.114	14.014.478.179
Chi phí khác bằng tiền	4.920.991.934	9.821.561.743
	<b>92.560.987.328</b>	<b>100.251.808.531</b>

### 33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.630.997.417	-	35.751.336.394	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.469.794.904	(925.406.043)	12.934.948.218	(982.406.043)
	<b>26.100.792.321</b>	<b>(925.406.043)</b>	<b>48.686.284.612</b>	<b>(982.406.043)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			20.000.000.000	54.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác			2.671.667.000	1.869.379.950
Chi phí phải trả			169.525.000	120.000.000
			<b>22.841.192.000</b>	<b>55.989.379.950</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

##### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

##### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động



động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.630.997.417	-	-	15.630.997.417
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.884.688.861	659.700.000	-	9.544.388.861
<b>Cộng</b>	<b>24.515.686.278</b>	<b>659.700.000</b>	<b>-</b>	<b>25.175.386.278</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.751.336.394	-	-	35.751.336.394
Phải thu khách hàng, phải thu khác	11.061.242.175	891.300.000	-	11.952.542.175
<b>Cộng</b>	<b>46.812.578.569</b>	<b>891.300.000</b>	<b>-</b>	<b>47.703.878.569</b>

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Vay và nợ	8.000.000.000	12.000.000.000	-	20.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	2.671.667.000	-	-	2.671.667.000
Chi phí phải trả	169.525.000	-	-	169.525.000
	<b>10.841.192.000</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>22.841.192.000</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Vay và nợ	8.000.000.000	40.000.000.000	6.000.000.000	54.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	1.869.379.950	-	-	1.869.379.950
Chi phí phải trả	120.000.000	-	-	120.000.000
	<b>9.989.379.950</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>55.989.379.950</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn và các nguồn lực tài chính khác.

#### 34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

##### Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong năm phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là tiền trả các khoản vay theo kế ước thông thường.

#### 35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>6.012.660.540</b>	<b>5.688.736.466</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Nha Trang	Cùng Tổng công ty	6.012.660.540	5.688.736.466
<b>Mua hàng, dịch vụ</b>		<b>1.225.637.385</b>	<b>1.434.036.376</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	Cùng Tổng công ty	1.225.637.385	1.434.036.376
<b>Chia cổ tức</b>		<b>12.884.959.750</b>	<b>7.929.206.000</b>
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ	12.884.959.750	7.929.206.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Trả tiền trước cho người bán ngắn hạn</b>		<b>404.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Công Trình Hàng Hải	Cùng Tổng công ty	326.000.000	-
Ban Quản Lý Dự Án Chuyên Ngành Hàng Hải VIMC	Chi nhánh Tổng công ty	78.000.000	-
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>		<b>246.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Công Trình Hàng Hải	Cùng Tổng công ty	246.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	678.195.792	729.215.502
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.010.827.030	897.187.954

### 36. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### 37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán.



Nguyễn Hồ Tú Anh  
Người lập biểu



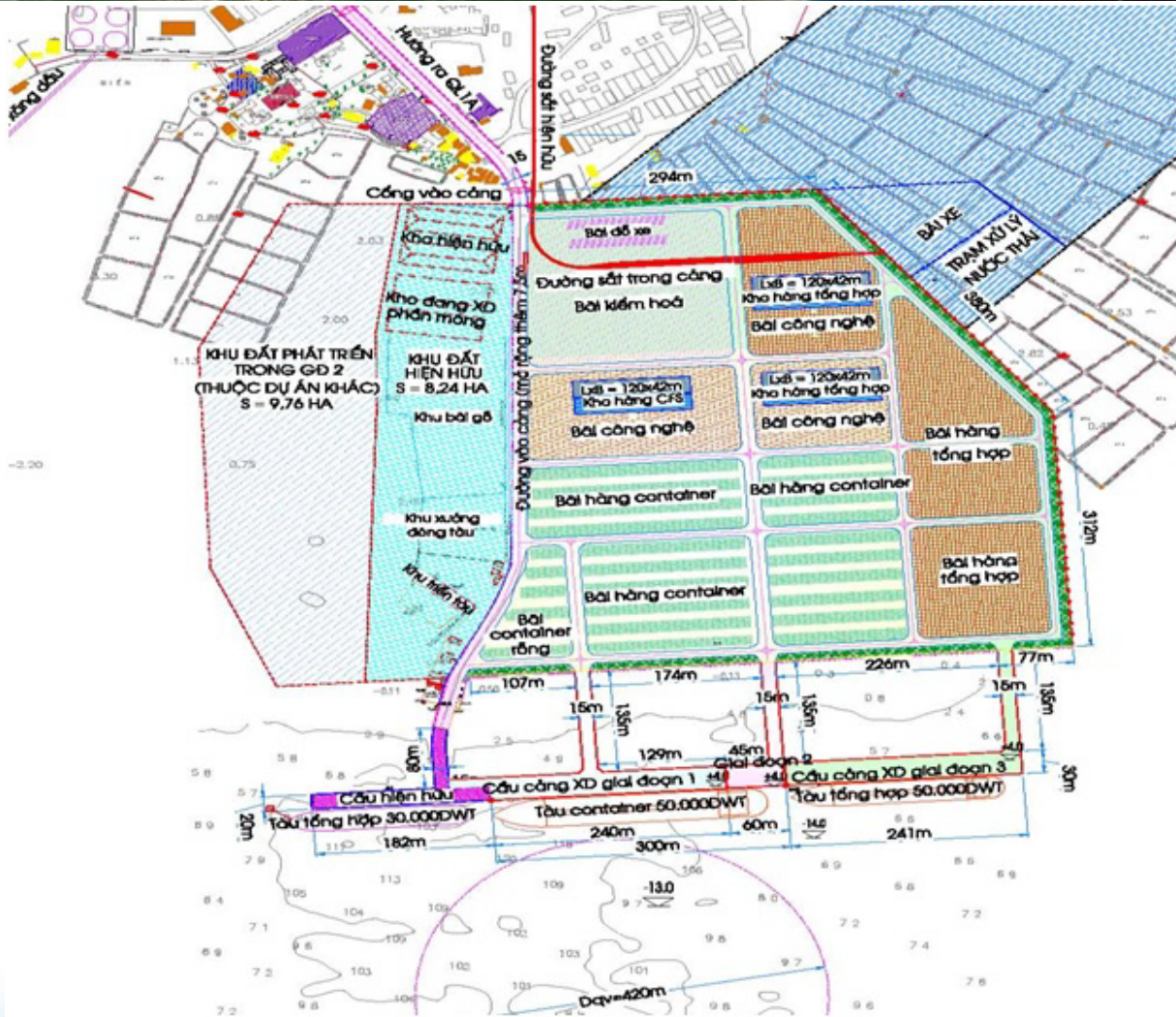
Nguyễn Huy Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Viết Nhâm  
Tổng Giám đốc

Cam Ranh, ngày 22 tháng 02 năm 2021







**Cam Ranh, ngày 22 tháng 02 năm 2021**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

A handwritten signature in blue ink, written over the red stamp. The signature is stylized and appears to be "Nguyễn Viết Nhâm".

**NGUYỄN VIỆT NHÂM**